

Số: 1970/QĐ-ĐHVVN-KHCN

Hải Phòng, ngày 27 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc giao thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên**  
**năm học 2023-2024**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1333/QĐ-ĐHVVN ngày 25/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy định Hoạt động khoa học công nghệ tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1829/QĐ-ĐHVVN ngày 20/09/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam Ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ năm học 2023-2024 của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ kết quả xét duyệt đăng ký đề tài Nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2023-2024 của Hội đồng Khoa học & Đào tạo Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Theo đề nghị của Phòng Khoa học - Công nghệ.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2023-2024 cho các sinh viên, nhóm sinh viên và giảng viên hướng dẫn thực hiện đề tài (danh sách đề tài kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Các sinh viên, nhóm sinh viên và giảng viên hướng dẫn sinh viên có trách nhiệm triển khai nghiên cứu, báo cáo kết quả đề tài theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các Phòng: TC-HC, KH-CN, KH-TC; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, các sinh viên, nhóm sinh viên và giảng viên hướng dẫn có tên trong danh sách ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, KH-CN.



**HIỆU TRƯỞNG**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Thanh Sơn

**DANH SÁCH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**NĂM HỌC 2023-2024**

*(Kèm theo QĐ. 1970./ĐHHVN-KHCN ngày 27/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)*

TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
1	SV23-24.01	Pháp luật về đăng ký kinh doanh - những vấn đề lý luận và thực tiễn	<b>Phùng Hữu Tiến</b> Phạm Thị Thu Hậu Khoa Thị Kim Hồng Hà Minh Hiền	LHH63ĐH LHH63ĐH LHH63ĐH LHH63ĐH	Khoa Hàng hải	ThS. Trần Lê Thu Trang	Kết quả sẽ đưa ra các giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về đăng ký kinh doanh trong bối cảnh hội nhập thế giới hiện nay. Nghiên cứu tập trung vào một số vấn đề lý luận về đăng ký kinh doanh; Thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành về đăng ký kinh doanh tại Việt Nam; Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành về đăng ký kinh doanh tại Việt Nam.	
2	SV23-24.02	Nghiên cứu xu hướng phát triển, thực trạng và triển vọng của la bàn vệ tinh trong tương lai	<b>Đặng Lý Gia Quân</b> Mai Thu Hiền Nguyễn Đức Thọ Trần Tuấn Anh	ĐKT63ĐH QHH62ĐH ĐKT63ĐH ĐKT63ĐH	Khoa Hàng hải	ThS. Lê Tuấn Sơn	Đề tài tập trung nghiên cứu về quá trình về sự hình thành phát triển của la bàn đối với ngành Hàng hải. Bên cạnh đó tập trung phân tích xu hướng hiện nay là la bàn vệ tinh và sự phát triển của nó trong tương lai. Từ đó nhóm sinh viên đưa ra những nhận định, ý kiến mang tính khả thi của la bàn vệ tinh đối với ngành Hàng hải của Việt Nam.	
3	SV23-24.03	Nghiên cứu về tàu mặt nước tự vận hành: Thực trạng, triển vọng tương lai và thách thức đối với huấn luyện và đào tạo thuyền viên	<b>Đỗ Duy Mạnh</b> Nguyễn Văn Hữu Nguyễn Thiên Hải Phạm Trung Thương	ĐKT62ĐH ĐKT62ĐH ĐKT62ĐH ĐKT62ĐH	Khoa Hàng hải	TS. Nguyễn Văn Trường	Đề tài tập trung nghiên cứu về sự hình thành, phát triển và khả năng ứng dụng MASS vào thực tiễn ngành hàng hải. Bên cạnh đó, đề tài phân tích và đánh giá những lợi ích cũng như những khó khăn, thách thức đặt ra đối với việc ứng dụng MASS và những triển vọng trong tương lai của MASS. Từ đó, nhóm sinh viên đưa ra những nhận định về tính khả thi của MASS có hay không ứng dụng vào ngành hàng hải thế giới và ở Việt Nam.	
4	SV23-24.04	Nghiên cứu pháp luật về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường không khí do tàu thuyền gây ra	<b>Vũ Thị Phương Oanh</b> Phạm Thị Thanh Niên Nguyễn Thị Pha	LHH62ĐH LHH62ĐH LHH62ĐH	Khoa Hàng hải	TS. Nguyễn Văn Trường	Đề tài tập trung nghiên cứu về thực trạng ô nhiễm môi trường do khí thải tàu thuyền gây ra, quy định của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, nhóm sinh viên phân tích, đánh giá pháp luật Việt Nam về lĩnh vực này. Đánh giá việc thực thi Phụ lục VI MARPOL 73/78 tại Việt Nam. Đồng thời Nhóm sinh viên cũng đưa ra những đề xuất để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường không khí do tàu thuyền gây ra.	
5	SV23-24.05	Nghiên cứu trúc mô hình cảng biển thông minh và bền vững - Đề xuất mô hình cho cảng Nam Định Vũ	<b>Đỗ Thanh Ngoãn</b> Nguyễn Thị Kiều Đồng Thị Huyền Đồng Thị Thanh Thảo	QHH62ĐH QHH62ĐH QHH62ĐH QHH62ĐH	Khoa Hàng hải	PGS.TS. Phan Văn Hưng	Nghiên cứu Tổng quan về mô hình cảng biển theo xu hướng xanh hoá và chuyển đổi số hiện nay; Đề xuất cấu trúc mô hình cảng biển thông minh và bền vững cho cảng Nam Định Vũ; Phân tích các thành phần thiết yếu của mô hình.	
6	SV23-24.06	Nghiên cứu các giải pháp giảm phát thải các bon tại cảng biển - Đề xuất lộ trình áp dụng tại Cảng Tân Vũ	<b>Đoàn Lê Nam Khánh</b> Trần Hoàng Khánh Linh Nguyễn Thị Lan Phạm Thị Thanh Trúc Lê Hoàng Ngọc Nga	QHH63ĐH QHH63ĐH QHH63ĐH QHH63ĐH	Khoa Hàng hải	PGS.TS. Phan Văn Hưng	Nghiên cứu các khái niệm, mô hình và con đường giảm phát thải khí các bon tại các cảng biển trên thế giới. Phân tích các rào cản, khó khăn trong tiến trình giảm khí các bon tại cảng biển; Đề xuất các giải pháp gỡ bỏ các rào cản, tận dụng cơ hội để giảm phát thải khí các bon tại cảng biển và lộ trình áp dụng các giải pháp cho cảng Tân Vũ.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
7	SV23-24.07	Nghiên cứu lập tuyến đường hàng hải tối ưu cho các tàu chạy tuyến ven biển Việt Nam ứng dụng công nghệ AI	<b>Võ Đức Trung</b> Quản Ngọc Sơn Hoàng Phúc Thiện Đình Xuân Hoàng Lâm	ĐKT62ĐH ĐKT62ĐH ĐKT62ĐH ĐKT62ĐH	Khoa Hàng hải	<b>TS. Lương Tú Nam</b> K.S. Nguyễn Mạnh Hà	Với việc áp dụng trí tuệ nhân tạo AI hướng học máy (machine learning), xây dựng 1 chương trình với đầu vào là thông số kỹ thuật của tàu, điều kiện thời tiết, thủy văn, điểm đầu điểm cuối, các chướng ngại vật,... và kết quả là tuyến đường tối ưu cho lớp tàu VR-SB trên tuyến Hải Phòng - Hòn Gai.	
8	SV23-24.08	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm về tham nhũng	<b>Đoàn Thị Khánh Huyền</b> Nguyễn Thị Vân Anh Lê Thị Hà Phương Lã Hoàng Sơn	LHH63ĐH LHH63ĐH LHH63ĐH LHH63ĐH	Khoa Hàng hải	TS. Lương Thị Kim Dung	Đề tài mong muốn hoàn thiện thêm những vấn đề lý luận về nhận diện các tội phạm tham nhũng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như các giải pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm về tham nhũng. Với các nội dung chính như sau: Nghiên cứu một số vấn đề lý luận liên quan đến tội phạm về tham nhũng; Thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành các quy định pháp luật về đấu tranh phòng chống tội phạm tham nhũng tại Việt Nam; Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm về tham nhũng tại Việt Nam.	
9	SV23-24.09	Nghiên cứu sử dụng các công cụ AI hỗ trợ công tác truyền thông - tuyển sinh của Khoa Máy tàu biển	<b>Trần Bảo Minh</b> Lê Minh Hoat Nguyễn Đức Sang Nguyễn Chí Vương	MCN61ĐH MCN61ĐH MCN63ĐH MCN63ĐH	Khoa Máy tàu biển	TS. Lê Đăng Khánh	Tìm hiểu các tồn tại, hạn chế trong công tác truyền thông - tuyển sinh của khoa; Đề xuất giải pháp hỗ trợ viết/đăng bài trên website, fanpages của khoa. Xây dựng chatbot thông minh hỗ trợ tư vấn tuyển sinh.	
10	SV23-24.10	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo trạm lắp ráp thủ công có thể tùy biến theo nhân trắc học và tích hợp giám sát thao tác phục vụ cải tiến nâng cao hiệu suất làm việc cho công nhân	<b>Ngô Vương Quốc</b> Nguyễn Thị Minh Anh Phạm Văn Quỳnh	QKC62ĐH QKC62ĐH QKC62ĐH	Khoa Máy tàu biển	TS. Phạm Văn Triệu	Thiết kế, chế tạo trạm lắp ráp thủ công có thể thay đổi chiều cao thao tác và vị trí các hộp đựng chi tiết để phù hợp với người công nhân; Tích hợp các kỹ thuật giám sát thao tác vào trạm làm việc để theo dõi quá trình sản xuất, tích hợp các kỹ thuật đo lường sinh trắc học để thu thập chỉ số sinh trắc trong quá trình làm việc.	
11	SV23-24.11	Xây dựng phần mềm ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tự động chấm điểm bài thi trắc nghiệm phục vụ cho công tác tự ôn thi của sinh viên	<b>Lê Xuân Hòa</b> Đỗ Thành Đạt	MCN61ĐH MCN61ĐH	Khoa Máy tàu biển	PGS.TS. Trần Hồng Hà	Thu thập các bài thi trắc nghiệm làm dữ liệu huấn luyện ; Nghiên cứu xây dựng phần mềm ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tự động chấm điểm bài thi trắc nghiệm phục vụ cho công tác tự ôn thi của sinh viên; Thử nghiệm phần mềm chấm thi trắc nghiệm.	
12	SV23-24.12	Nghiên cứu sử dụng Nito lỏng để tháo bạc nhựa của hệ trục chân vịt và hệ trục lái tàu thủy trong quá trình thay mới	<b>Mai Thị Thanh Xuân</b> Vũ Việt Anh Phạm Thanh Tuyền Nguyễn Thị Ánh Tuyết	MTT61ĐH MTT61ĐH MTT61ĐH MTT61ĐH	Khoa Máy tàu biển	ThS. Trương Tiến Phát	Tổng quan về các vật liệu phi kim được sử dụng để chế tạo bạc trục chong chóng; Tổng quan về các phương pháp tháo bạc trục chân vịt và bạc trục lái trong quá trình thay mới. Phương pháp sử dụng Nito lỏng để tháo bạc trục chân vịt và bạc trục lái trong quá trình thay mới.	
13	SV23-24.13	Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy in 3D không dây	<b>Hoàng Hải Dương</b> Nguyễn Thế Trung Phạm Trọng Đức Ngô Ngọc Đức	MCN61ĐH MCN61ĐH MCN61ĐH MCN62ĐH	Khoa Máy tàu biển	TS. Vũ Xuân Hậu	Nghiên cứu về công nghệ in 3D; Nghiên cứu về công nghệ điều khiển không dây ; Nghiên cứu thiết kế phần cứng và lập trình phần mềm cho mô hình máy in 3D. Thử nghiệm hoạt động in 3D cho mô hình được thiết kế.	
14	SV23-24.14	Phân tích, đánh giá các đặc tính kỹ thuật, kinh tế trong việc sử dụng LNG làm nhiên liệu cho hệ động lực trên tàu hàng LNG	<b>Bùi Văn Khánh</b> Võ Cao Minh Nguyễn Văn Tâm	MTT62ĐH MTT62ĐH MTT62ĐH	Khoa Máy tàu biển	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	Trên cơ sở phân tích ưu nhược điểm của các loại nhiên liệu cũng như hệ thống cung cấp nhiên liệu sử dụng cho hệ động lực tàu thủy hiện nay, nghiên cứu sẽ chỉ ra các ưu điểm vượt trội và các hạn chế của việc sử dụng LNG làm nhiên liệu cho tàu thủy. Ngoài ra, nhóm sinh viên sẽ xây dựng các điều kiện cần và đủ cũng như chỉ ra những khó khăn, hạn chế trong việc sử dụng LNG làm nhiên liệu cho hệ động lực tàu hàng LNG cũng như các loại tàu khác tại Việt Nam nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn, hiệu quả cao trong quá trình khai thác tàu cũng như các yêu cầu ngày càng khắt khe của ngành hàng hải thế giới, đặc biệt là vấn đề môi trường.	
15	SV23-24.15	Nghiên cứu đề xuất quy trình lắp ráp và chế tạo mô hình kết cấu tổng đoạn vùng khoang hàng của tàu chở hàng tổng hợp	<b>Nguyễn Trịnh Sơn</b> Nguyễn Chí Thành Nguyễn Văn Huân Vũ Đình Dũng Hoàng Thanh An	ĐTA61ĐH VTT61ĐH VTT61ĐH ĐTA63ĐH	Khoa Đóng tàu	<b>ThS. Nguyễn Thị Hải Hà</b> ThS. Vũ Tuấn Anh	Nghiên cứu hồ sơ kỹ thuật của tàu và lựa chọn tổng đoạn để lập quy trình chế tạo; Nghiên cứu đề xuất phương án thi công và lắp ráp các phần đoạn của tổng đoạn, thử tự tiến hành lắp ráp các phần đoạn thành tổng đoạn; Chế tạo mô hình kết cấu tổng đoạn khoang hàng theo quy trình đề ra ở trên.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
16	SV23-24.16	Nghiên cứu chế tạo Robot phục vụ đa năng	<b>Trần Văn Hoạt</b> Nguyễn Thị Hoàng Lan Mai Đăng Chính Nguyễn Thị Thu Thảo Đông Đức Triệu	CĐTK61ĐH CĐTK61ĐH CĐTK62ĐH CĐTK62ĐH CĐTK62ĐH	Viện Cơ khí	ThS. Nguyễn Đức Sang	Nghiên cứu chế tạo một Robot phục vụ đa năng có khả năng tương tác với người dùng qua màn hình giao diện, có khả năng mở rộng kết hợp với xử lý ảnh và Lidar để xây dựng bản đồ, tự hành và mang hộ các đồ vật tùy theo yêu cầu.	
17	SV23-24.17	Nghiên cứu, phát triển cơ cấu chuyển số cho hộp số tự động bốn cấp với khả năng chuyển số không gián đoạn cho ô tô điện bằng bánh răng không tròn	<b>Nguyễn Bình Dương</b> Vũ Sơn Hải Phạm Thùy Dung Ngô Hữu Nghĩa Phạm Văn Ngọc	KCK62ĐH KCK62ĐH KCK62ĐH KCK62ĐH KCK61ĐH	Viện Cơ khí	ThS. Nguyễn Hoàng Việt	Đề tài nghiên cứu thiết kế và chế tạo một cơ cấu chuyển số trong hộp số đa tốc độ (HSĐTD), khắc phục những hạn chế về hiện tượng giật trong quá trình chuyển số do có sự gián đoạn mô-men xoắn, gây tổn thất năng lượng và khiến hành khách không thoải mái, đặc biệt gây khó chịu cho những người bị say xe.	
18	SV23-24.18	Nghiên cứu mô phỏng quá trình điều hòa không khí trong phòng làm việc bằng phương pháp số	<b>Phạm Thế Anh</b> Nguyễn Văn Phú Nguyễn Hồng Phong Phạm Văn Thông	KNL61ĐH KNL61ĐH KNL61ĐH KNL61ĐH	Viện Cơ khí	TS. Dương Xuân Quang	Đề tài nghiên cứu mô phỏng quá trình trao đổi nhiệt, ẩm trong phòng điều hòa phương pháp số. Kết quả nghiên cứu đưa ra được phân bố vận tốc, nhiệt độ, độ ẩm của không khí trong phòng điều hòa. Đánh giá ảnh hưởng của yếu tố điều kiện làm việc và môi trường đến con người trong không gian được điều hòa.	
19	SV23-24.19	Nghiên cứu, thiết kế thiết bị đeo tay hỗ trợ cảnh báo sớm tình trạng chống đuối nước	<b>Nguyễn Thành Đạt</b> Bùi Thị Phương Mai Lê Thành Trung Chu Hải Minh	ĐTT62ĐH ĐTT62ĐH ĐTT62ĐH ĐTT62ĐH	Khoa Điện - Điện tử	TS. Đỗ Khắc Tiệp	Tìm hiểu về các thiết bị cảnh báo hỗ trợ chống đuối nước, nguyên lý của cảm biến IMU6050, các module truyền sóng RF.	
20	SV23-24.20	Nghiên cứu xây dựng mô hình hệ thống trồng rau thủy canh ứng dụng IoT	<b>Phạm Thành Đạt</b> Vũ Văn Tiến Ngô Duy Cường Nguyễn Văn Lực Lê Đức Duy	ĐTD62ĐH ĐTD61ĐH ĐTD62ĐH ĐTD62ĐH ĐTD62ĐH	Khoa Điện - Điện tử	ThS. Đỗ Thị Chang	Nghiên cứu phương pháp đo nhiệt độ môi trường, độ pH của hệ thống trồng rau thủy canh, điều khiển từ xa hệ thống trồng rau thủy canh. Xây dựng mô hình hệ thống trồng rau thủy canh ứng dụng IoT.	
21	SV23-24.21	Nghiên cứu xây dựng mô hình hệ thống điều khiển một số thiết bị gia đình ứng dụng IoT	<b>Hoàng Tuấn Tú</b> Bùi Tuấn Đạt Phạm Công Lộc Bùi Trung Mạnh Chu Hoàng Phong	ĐTD61ĐH ĐTD62ĐH ĐTD62ĐH ĐTD61ĐH ĐTD61ĐH	Khoa Điện - Điện tử	<b>ThS. Đỗ Thị Chang</b> ThS. Vũ Thị Thu	Nghiên cứu điều khiển từ xa một số thiết bị gia đình bằng giọng nói, điện thoại, Remote điều khiển hồng ngoại và công tắc thông thường. Xây dựng mô hình hệ thống điều khiển một số thiết bị gia đình từ xa. Xây dựng thuật toán và chương trình điều khiển hệ thống điều khiển một số thiết bị gia đình từ xa.	
22	SV23-24.22	Nghiên cứu xây dựng mô hình hệ thống giám sát nhiệt độ môi trường, độ ẩm đất và tưới cây tự động theo thời gian thực	<b>Nguyễn Công Chính</b> Nguyễn Thế Vũ Phạm Huy Quang Tạ Ngọc Thái	ĐTD62ĐH ĐTD62ĐH ĐTD62ĐH ĐTD62ĐH	Khoa Điện - Điện tử	<b>ThS. Vũ Thị Thu</b> ThS. Đỗ Thị Chang	Nghiên cứu phương pháp đo nhiệt độ môi trường, độ ẩm đất. Nghiên cứu giám sát nhiệt độ môi trường, độ ẩm đất. Nghiên cứu hệ thống tưới cây tự động theo thời gian thực.	
23	SV23-24.23	Nghiên cứu chế tạo mô hình robot lau kính cho tòa nhà cao tầng	<b>Đoàn Văn Khánh</b> Nguyễn Ngọc Đức Hà Nhật Tiến Dương Đông Xuân Đạt	ĐTD62ĐH ĐTD62ĐH ĐTD62ĐH ĐTD63ĐH	Khoa Điện - Điện tử	<b>TS. Nguyễn Văn Tiến</b>	Nghiên cứu cấu trúc của robot lau kính; Nghiên cứu thuật toán chương trình điều khiển và dẫn hướng cho robot; Xây dựng mô hình và chương trình điều khiển cho robot trên arduino.	
24	SV23-24.24	Nghiên cứu xây dựng mô hình thiết bị đo nồng độ Oxy và nhịp tim nhằm giám sát sức khỏe con người ứng dụng IOT	<b>Vũ Hữu Dũng</b> Vũ Duy Anh Nguyễn Thủ Trường Đoàn Đắc Huy Vũ Thị Vân	ĐTT63ĐH ĐTT63ĐH ĐTT63ĐH ĐTT63ĐH ĐTT63ĐH	Khoa Điện - Điện tử	ThS. Đặng Đình Phúc	Nghiên cứu phương pháp đo nồng độ Oxy và nhịp tim người. Nghiên cứu giám sát nồng độ Oxy và nhịp tim người từ xa.	
25	SV23-24.25	Nghiên cứu xây dựng mô hình xe điều khiển thông qua Internet hoặc Bluetooth	<b>Đỗ Quý Gia Bách</b> Hoàng Đắc Huy Đỗ Trung Thành Luân Nguyễn Quang Nam Nguyễn Đức Anh	ĐTD62ĐH ĐTD62ĐH ĐTD62ĐH ĐTD62ĐH ĐTD62ĐH	Khoa Điện - Điện tử	<b>ThS. Vũ Thị Thu</b> ThS. Đỗ Thị Chang	Nghiên cứu phương pháp điều khiển xe. Xây dựng thuật toán và mô hình xe điều khiển thông qua Internet hoặc Bluetooth.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
26	SV23-24.26	Nghiên cứu xây dựng hệ truyền động điện điều khiển vị trí	<b>Trần Quốc Dũng</b> Đình Hữu An Hoàng Đức Anh Đỗ Quốc Thành Công	ĐTĐ61ĐH1 ĐTĐ61ĐH1 ĐTĐ61ĐH1 ĐTĐ61ĐH1	Khoa Điện - Điện tử	TS. Đặng Hồng Hải	Nghiên cứu điều khiển vị trí trong hệ truyền động điện; Nghiên cứu hệ điều khiển Driver - động cơ AC Servo; Xây dựng mô hình mô phỏng hệ truyền động điện điều khiển vị trí sử dụng động cơ Servor.	
27	SV23-24.27	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống cảnh báo cháy sớm và giám sát chất lượng môi trường đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại khu vực kho hàng, cảng biển	<b>Phạm Hoàng Anh</b> Trần Anh Duy Nguyễn Văn Phong Trần Văn Đức Phan Văn Thành	TĐH62ĐH KTB62ĐH TĐH62ĐH TĐH62ĐH TĐH62ĐH	Khoa Điện - Điện tử	ThS. Nguyễn Văn Hùng	Nghiên cứu, thiết kế phần mềm hệ thống giám sát chất lượng không khí từ xa có thể kết nối với nhiều phần mềm khác. Nghiên cứu thiết kế thuật toán cảnh báo cháy sớm dựa trên dữ liệu đầu vào từ các cảm biến.	
28	SV23-24.28	Nghiên cứu xây dựng mô hình robot tự hành (ARM) sử dụng cảm biến Lidar	<b>Phạm Đức Thanh</b> Nguyễn Tuấn Thành Lê Khắc Châu	ĐTĐ61ĐH ĐTĐ61ĐH ĐTĐ61ĐH	Khoa Điện - Điện tử	ThS. Cao Đức Thanh	Nghiên cứu về cảm biến lidar; giao thức ROS trong điều khiển robot tự hành; mô hình động học của robot, các cách điều hướng cho xe sử dụng raspberry, Arduino; Nghiên cứu thuật toán tránh vật cản, tự động điều hướng sử dụng bản đồ quét được từ Lidar.	
29	SV23-24.29	Nghiên cứu, ứng dụng đồng hồ đa năng số trong hệ thống quản lý nguồn cho trạm phát điện tàu thủy	<b>Ngô Quang Vinh</b> Dương Hải Nam Nguyễn Văn Sáng Vũ Văn Đức	TĐH61ĐH TĐH61ĐH TĐH61ĐH TĐH62ĐH	Khoa Điện - Điện tử	ThS. Đoàn Hữu Khánh	Nghiên cứu về đa năng số, HMI, PLC; Nghiên cứu về mạng truyền thông công nghiệp: Modbus TCP/IP, Modbus RTU. Nghiên cứu các thuật toán điều khiển, giám sát, bảo vệ cho hệ thống bảng điện chính tàu thủy.	
30	SV23-24.30	Nghiên cứu xây dựng mô hình robot dò line ứng dụng trí tuệ nhân tạo	<b>Chu Lan Anh</b> Đỗ Văn Công Hoàng Tuấn Đạt Vũ Văn Hiếu Bùi Đình Hải	ĐTĐ62ĐH ĐTĐ62ĐH ĐTĐ62ĐH ĐTĐ62ĐH TĐH62ĐH	Khoa Điện - Điện tử	<b>PGS.TS. Trần Sinh Biền</b> ThS. Đỗ Thị Chang	Nghiên cứu lý thuyết về xử lý ảnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo; Xây dựng mô hình vật lý robot dò line; Xây dựng thuật toán và chương trình điều khiển mô hình robot dò line ứng dụng trí tuệ nhân tạo.	
31	SV23-24.31	Nghiên cứu áp dụng công nghệ IOT phát triển hệ thống quản lý sản xuất cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	<b>Hồ Ngọc Hải</b> Phạm Quốc Anh Phạm Tiến Đạt	CNT61ĐH CNT61ĐH CNT61ĐH	Khoa Công nghệ thông tin	ThS. Cao Đức Hạnh	Nghiên cứu về các giải pháp , thiết bị số hóa các thông tin sản xuất trong doanh nghiệp. Nghiên cứu về hệ thống quản lý sản xuất trong doanh nghiệp . Phân tích, thiết kế hệ thống (phần cứng và phần mềm). Xây dựng, phát triển hệ thống. Tiến hành triển khai, vận hành thử nghiệm hệ thống và đánh giá.	
32	SV23-24.32	Nghiên cứu phát triển hệ thống hỗ trợ học tập dành cho sinh viên dựa trên việc tích hợp OpenAI	<b>Nguyễn Trung Sơn</b> Đỗ Trung Kiên Phạm Ngọc Quyền Phan Công Lý Nguyễn Tiến Long	CNT62ĐH CNT62ĐH CNT62ĐH CNT62ĐH CNT63CL	Khoa Công nghệ thông tin	TS. Nguyễn Trung Đức	Nghiên cứu phát triển hệ thống lập kế hoạch học tập, hỗ trợ giám sát, luyện tập và tìm kiếm thông tin; Tích hợp OpenAI (ChatGPT) nhằm tận dụng sức mạnh xử lý ngôn ngữ, tri thức trong việc tư vấn xây dựng, đánh giá kết quả rèn luyện; Triển khai, xây dựng hệ thống phần mềm cho điện thoại như một công cụ hỗ trợ người học.	
33	SV23-24.33	Nghiên cứu, phát triển hệ thống thi trực tuyến phòng chống gian lận cho trường đại học ứng dụng trí tuệ nhân tạo và điện toán đám mây	<b>Phan Viết Vũ</b> Tống Trần Đan Vi Vũ Thị Mùi Ngô Thu Thủy Nguyễn Thị Quỳnh Nga	CNT61ĐH CNT61ĐH CNT62CL KTN62CL QKT62ĐH	Khoa Công nghệ thông tin	ThS. Phạm Ngọc Duy	Nghiên cứu về hệ thống đào tạo trực tuyến, hệ thống quản lý và tổ chức thi trực tuyến , xu hướng phát triển của các hệ thống thi trực tuyến . Nghiên cứu về các giải pháp phòng, chống gian lận trong thi trực tuyến . Khảo sát (hiện trạng, nhu cầu của thị trường); tìm hiểu các giải pháp , hệ thống tương tự hiện nay ; từ đó đánh giá , đề xuất giải pháp. Phân tích, thiết kế hệ thống (phần mềm và CSDL). Xây dựng, phát triển hệ thống. Triển khai, vận hành thử nghiệm hệ thống và đánh giá.	
34	SV23-24.34	Nghiên cứu Microservices xây dựng website bán sách	<b>Nguyễn Hoàng Đăng</b> Cao Mạnh Duy Phạm Quang Khải Đặng Văn Tuyền	KPM62 ĐH KPM62 ĐH CNT62 ĐH CNT62 ĐH	Khoa Công nghệ thông tin	TS. Trần Thị Hương	Nghiên cứu kiến trúc Microservices; Phân tích và thiết kế hệ thống để tìm hiểu nghiệp vụ bán sách; Xây dựng các module theo kiến trúc microservice và xây dựng website bán sách với nội dung phong phú, giao diện thân thiện, bố cục hợp lý. Nghiên cứu, tìm hiểu công cụ, ngôn ngữ lập trình để cài đặt ứng dụng.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
35	SV23-24.35	Xây dựng ứng dụng tra cứu và tìm kiếm các địa điểm du lịch, ẩm thực của thành phố Hải Phòng	<b>Nguyễn Thế Duyệt</b> Nguyễn Thị Như Hà	KPM61 ĐH KPM61 ĐH	Khoa Công nghệ thông tin	TS. Trần Thị Hương	Tim hiểu và thu thập thông tin về các địa điểm du lịch, danh lam thắng cảnh nổi tiếng, loại hình ẩm thực đặc trưng ở thành phố Hải Phòng. Nghiên cứu hệ thống thông tin để xây dựng ứng dụng web như một kênh thông tin để chia sẻ, tra cứu và tìm kiếm các địa điểm du lịch, thông tin về các nhà hàng, khách sạn gần khu vực điểm du lịch, các danh lam thắng cảnh, các loại hình ẩm thực đặc trưng của thành phố Hải Phòng. Nghiên cứu, tìm hiểu công cụ, ngôn ngữ lập trình để cài đặt ứng dụng.	
36	SV23-24.36	Nghiên cứu giải pháp lựa chọn thiết bị GPS phục vụ khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải bằng phương pháp thực nghiệm	<b>Phạm Xuân Hùng</b> Nguyễn Thị Ngọc Bùi Tá Chiến Bùi Thị Yến Nguyễn Đức Thuận	BDA61ĐH BDA61ĐH BDA61ĐH BDA62ĐH BDA62ĐH	Khoa Công trình	ThS. Đỗ Hồng Quân TS. Nguyễn Thị Hồng	Nhóm nghiên cứu sẽ thực nghiệm đo đạc bằng các thiết bị đo GPS khác nhau để xác định được độ chính xác của từng nhóm thiết bị, sau đó đối chiếu với các quy chuẩn kỹ thuật để kết luận đánh giá xem các thiết bị đó có phù hợp hay không cho công việc khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải. Tiến hành thu thập các dữ liệu các mốc tọa độ, độ cao có sẵn, sau đó tìm hiểu các phân khúc thiết bị đo GPS từ đơn giản đến hiện đại, sau đó tiến hành khảo sát đo đạc các yếu tố tọa độ, độ cao của các mốc, sau khi nhận được các kết quả đo sẽ tiến hành thống kê, phân loại, đánh giá, nghiên cứu các phương pháp tính toán để nâng cao kết quả khảo sát, sau đó đánh giá độ chính xác của các máy mốc khảo sát xem có thể ứng dụng khảo sát bảo đảm an toàn hàng hải được hay không.	
37	SV23-24.37	Nghiên cứu các phương án cải tạo mặt đứng chung cư cũ trong chính trang đô thị	<b>Hoàng Đình Khoa</b> Nguyễn Minh Nhật Lê Mạnh Quý	KTD63ĐH KTD62ĐH KTD62ĐH	Khoa Công trình	ThS. Nguyễn Thiện Thành	Nhóm nghiên cứu sẽ tiến hành thực hiện các nội dung: đo đạc, khảo sát hiện trạng mặt đứng các chung cư cũ, phỏng vấn lấy ý kiến người dân đang sinh sống tại các toà nhà sau đó đánh giá, tìm ý tưởng, đưa ra phương án thiết kế cải tạo mặt đứng phù hợp với điều kiện thực tế góp phần phát huy giá trị về vị trí, giá trị về lịch sử, giá trị sử dụng hiện có của không gian mặt đứng các chung cư cũ đó nhằm mang lại một không gian chung và riêng có giá trị cho người dân đang trực tiếp sử dụng và góp phần làm đẹp thêm không gian các tuyến phố trên đại bản thành phố Hải phòng. Dự kiến kết quả đạt được của nghiên cứu sẽ giúp các sinh viên tham gia nghiên cứu có cái nhìn đầy đủ về quá trình thực hiện dự án cải tạo kiến trúc và quy trình làm việc trong thiết kế cải tạo công trình, nội dung kết quả nghiên cứu có thể dùng làm tài liệu tham khảo, giảng dạy cho các lớp sinh viên chuyên ngành kiến trúc, xây dựng.	
38	SV23-24.38	Nghiên cứu xây dựng công cụ tự động tính toán sức chịu tải của cọc theo đất nền	<b>Phạm Hữu Chiến</b> Đào Huy Hoàng Đặng Minh Hiếu Đoàn Đức Thành Vũ Trọng Tấn	CTT61ĐH CTT61ĐH CTT62ĐH CTT62ĐH CTT62ĐH	Khoa Công trình	<b>TS. Phạm Quốc Hoàn</b> TS. Đỗ Thị Minh Trang	Nội dung của đề tài hướng tới việc tổng quan lý thuyết tính toán sức chịu tải của cọc theo đất nền theo TCVN 10304:2014. Bên cạnh đó, đề tài cũng giới thiệu tổng quan về VBA trong Excel - bộ công cụ cho phép xây dựng các chương trình tự động hóa với ưu điểm kết hợp được điểm mạnh của Excel và VB. Cuối cùng, đề tài xây dựng công cụ tự động tính toán sức chịu tải của đất nền; từ đó giúp tiết kiệm thời gian tính toán và đảm bảo độ chính xác.	
39	SV23-24.39	Đề xuất giải pháp thoát nước mưa góp phần chống ngập lụt tại nội đô của thành phố Hải Phòng	<b>Lưu Quý Dương</b> Trịnh Phương Mai Phùng Thị Yến Trang Nguyễn Thị Ngọc Ánh	QCX62ĐH QCX62ĐH QCX62ĐH QCX62ĐH	Khoa Công trình	<b>ThS. Phạm Thị Nga</b> TS. Nguyễn Thị Diễm Chi	Những năm gần đây, tốc độ đô thị hóa của Hải Phòng gia tăng nhanh; số lượng ao hồ, kênh mương bị san lấp, thu hẹp ngày càng nhiều khiến quá trình tự thấm nước trong các đô thị giảm, xuất hiện hiện tượng gia tăng các dòng chảy nước mặt trong đô thị, từ đó gây áp lực lên hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Ngoài ra, cao độ nền của một số khu vực đô thị còn thấp, trũng, sự thiếu đồng bộ của hệ thống hạ tầng thoát nước, ý thức của cộng đồng chưa cao ... cũng góp phần gây nên tình trạng ngập lụt trong nội đô của thành phố Hải Phòng khi trời mưa to, kéo dài. Trên cơ sở đó, để có thể tìm ra câu trả lời cho bài toán "ngập lụt". Kết quả của đề tài sẽ đưa một số giải pháp cần thiết nhằm tăng cường khả năng thoát nước mưa, chống ngập cho đô thị, thích ứng với biến đổi khí hậu hiện nay.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
40	SV23-24.40	Nghiên cứu giảm dao động cho tháp cầu dưới tác dụng của tải trọng động bằng thiết bị giảm chấn chất lỏng TLD (Tuned Liquid Damper)	<b>Đinh Tùng Dương</b> Nguyễn Thế Dũng Trần Đình Thắng Trần Đức Hùng	KCD61ĐH KCD61ĐH KCD61ĐH KCD61ĐH	Khoa Công trình	<b>TS. Trần Ngọc An</b> TS. Đoàn Như Sơn	Nhóm nghiên cứu xây dựng phương trình chuyển động của tháp cầu và TLD (Tuned Liquid Damper); Tính toán dao động tự do của tháp cầu khi lắp TLD; Tính toán dao động cưỡng bức của tháp cầu chịu tác dụng của tải trọng động khi lắp TLD.	
41	SV23-24.41	Nghiên cứu sự làm việc thực tế của các liên kết kết cấu thép trong các công trình dân dụng & công nghiệp	<b>Nguyễn Nhật Dự</b> Nguyễn Thái Cường Phạm Hoàng Vũ Lê Quang Huy	XDD61ĐH XDD61ĐH XDD61ĐH XDD61ĐH	Khoa Công trình	ThS. Trần Văn Tùng	Trong đề tài này nhóm nghiên cứu tập trung vào phân tích các dạng liên kết như liên kết cứng, mềm và nửa cứng. Đối tượng phân tích sẽ chủ yếu là liên kết giữa các cấu kiện chính như dầm, cột vì có nội lực tương đối lớn để nêu bật sự khác nhau đối với từng loại liên kết khi phân tích. Dựa vào lý thuyết và phần mềm tính toán theo phương pháp phần tử hữu hạn để mô phỏng trạng thái làm việc chính xác của liên kết. Dựa vào các kết quả phân tích để đưa ra dạng liên kết phù hợp cho từng loại bài toán khác nhau, làm cơ sở để đưa vào áp dụng tính toán cho các dạng công trình kết cấu thép khác nhau.	
42	SV23-24.42	Thực trạng và giải pháp chuyển đổi số ở cảng biển: Trường hợp nghiên cứu tại bến cảng Tân Vũ	<b>Phạm Nhật Huy</b> Đỗ Đức Đạt Nguyễn Tiến Dũng	LQC61ĐH LQC61ĐH LQC61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Bài nghiên cứu nhằm phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng Epor, SmartGatet tại bến cảng Tân Vũ - Hải Phòng đồng thời chỉ ra những lợi ích, khó khăn khi thực hiện chuyển đổi số từ đó kiến nghị giải pháp cải thiện những khó khăn, hướng đến mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững cảng xanh.	
43	SV23-24.43	Sử dụng mô hình swot đánh giá phương án mở trung tâm logistics nhằm tối ưu khai thác vận tải thủy trên tuyến sông Văn Úc	<b>Lê Hữu Chiến</b> Phạm Thu Hà Trần Thị Ngát	KTT61ĐH KTT61ĐH KTT61ĐH	Khoa Kinh tế	TS. Phạm Thị Quỳnh Mai	Phân tích nhu cầu sử dụng, năng lực vận tải trên tuyến đường thủy nội địa khu vực tuyến sông Văn Úc. Đồng thời đi sâu tìm hiểu thực trạng khu vực nghiên cứu, sử dụng mô hình SWOT để đánh giá mức độ thuận lợi và thách thức của phương án mở trung tâm logistics trên tuyến đường thủy nói trên.	
44	SV23-24.44	Tác động của bảo mật thông tin tới ý định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử tại thành phố Hải Phòng	<b>Trịnh Hoàng Dũng</b> Lê Hương Giang Nguyễn Thủy Hiền	KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Phan Thị Bích Ngọc	Nội dung bài nghiên cứu tập trung vào việc phân tích, đánh giá tác động của vấn đề bảo mật thông tin tới ý định sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử tại thành phố Hải Phòng, chỉ ra các nguyên nhân làm giảm nhu cầu sử dụng ngân hàng điện tử của khách hàng. Từ đó kiến nghị một số giải pháp trong việc quản lý và phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại thành phố Hải Phòng.	
45	SV23-24.45	Áp dụng phương pháp Fuzzy Analytical Hierarchy Process (FAHP) đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố tới việc ứng dụng ChatGPT vào xây dựng Chatbot thông minh tại các doanh nghiệp Logistics trên địa bàn thành phố Hải Phòng	<b>Nguyễn Trần Bằng</b> Hoàng Thị Ngọc Quỳnh Ngô Quốc Khánh	LQC62ĐH LQC62ĐH LQC62ĐH	Khoa Kinh tế	TS. Nguyễn Thị Lê Hằng	Từ tháng 11/2022, sự xuất hiện của một ứng dụng mới có tên gọi Chat GPT được coi là bước đột phá trong cách mạng về sử dụng trí tuệ nhân tạo. Do đó, việc tìm hiểu về Chat GPT là vô cùng cần thiết để không bị chậm chân trong cuộc chạy đua công nghệ với thế giới. Trong khuôn khổ bài nghiên cứu này, phương pháp Fuzzy Analytical Hierarchy Process (FAHP) được sử dụng để đánh giá và xếp hạng các yếu tố quan trọng và vai trò của chúng trong việc triển khai Chatbot thông minh tại các doanh nghiệp Logistics tại thành phố Hải Phòng. Các yếu tố này có thể là Khối lượng công việc mà Chatbot có thể đảm nhận; Tốc độ xử lý yêu cầu nhanh chóng; Phân tích và nhận diện khách hàng; Khả năng nâng cấp và cập nhập liên tục; Bảo mật và an toàn thông tin. Kết quả này sẽ giúp các doanh nghiệp Logistics có cái nhìn tổng quan về việc ứng dụng Chatbot thông minh trong các mô hình kinh doanh sau này.	
46	SV23-24.46	Nghiên cứu giải pháp tối ưu hoá việc gom hàng LCL (Less than Container Load) trong xuất nhập khẩu bằng đường biển	<b>Hoàng Thị Hoà</b> Đỗ Phạm Nguyên Trinh Phạm Ngọc Bích Trâm	LQC61ĐH LQC61ĐH LQC61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Phạm Thị Mai Phương	Bài nghiên cứu nhằm phân tích việc gom hàng LCL (Less than Container Load) xuất nhập khẩu đường biển nhằm đề xuất giải pháp tối ưu hoá việc gom hàng thông qua ứng dụng công nghệ thông tin.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
47	SV23-24.47	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ Smart Gate tại cảng Tân Vũ - Hải Phòng	<b>Ngô Đàm Phương Thảo</b> Lê Minh Anh Bùi Văn Anh	LQC61ĐH LQC61ĐH LQC61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Lê Mạnh Hưng	Nội dung bài nghiên cứu tập trung vào việc phân tích, đánh giá tác động của các nhân tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của khách hàng khi sử dụng Smartgate ở cảng Tân Vũ - Hải Phòng. Từ đó kiến nghị một số biện pháp phát triển Smartgate ở cảng Tân Vũ - Hải Phòng để nâng cao sự hài lòng của khách hàng.	
48	SV23-24.48	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm xanh của người tiêu dùng tại thành phố Hải Phòng	<b>Nguyễn Thảo Phương</b> Nguyễn Thu Trang Lê Thị Uyên	LQC61ĐH LQC61ĐH LQC61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Trương Thị Như Hà	Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố chính ảnh hưởng đến hành vi mua sắm xanh của người dân tại địa bàn thành phố Hải Phòng. Mô hình tiến hành của nghiên cứu này được xây dựng dựa trên mô hình mở rộng của lý thuyết hành vi hoạch định TPB (Theory of Planned Behaviour). Các phương pháp được sử dụng để kiểm định cho mô hình như Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA). Kết quả kiểm định đã cho thấy 4 yếu tố chính ảnh hưởng đến người dân về hành vi mua sắm xanh tại Hải Phòng như sau: Đầu tiên là yếu tố sẵn lòng chi trả, tiếp theo đó là tính sẵn có của sản phẩm xanh, thái độ của người tiêu dùng và cuối cùng là chuẩn chủ quan.	
49	SV23-24.49	Nghiên cứu thực trạng phát triển của cảng cạn và cơ sở hạ tầng giao thông vận tải đường biển phục vụ cho sự phát triển cảng cạn tại khu vực miền Bắc Việt Nam	<b>Dương Anh Tú</b> Phạm Quang Huy Nguyễn Đặng Thuý Trang	KTB62ĐH LQC62ĐH KTN62ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Nghiên cứu này nhằm xác định rõ cảng cạn là một bộ phận thuộc kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, là đầu mối tổ chức vận tải hàng hóa bằng container. Thấy được thực trạng phát triển hệ thống cảng cạn, mặt mạnh, mặt yếu, thách thức, tiềm năng và cơ hội. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm phát triển cảng cạn tại khu vực miền Bắc Việt Nam đồng bộ cùng hệ thống cảng biển.	
50	SV23-24.50	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ tại các công ty chuyển phát nhanh trên địa bàn thành phố Hải Phòng	<b>Chu Quỳnh Phương</b> Đỗ Chiến Thắng Trịnh Hương Giang Đặng Thị Hoàng Hà	LQC61ĐH LQC61ĐH LQC61ĐH LQC61ĐH	Khoa Kinh tế	TS. Phạm Thị Yến	Nghiên cứu này phân tích các yếu tố tác động tới sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ logistics của doanh nghiệp chuyển phát nhanh, nghiên cứu trường hợp điển hình tại thành phố Hải Phòng. Những kết quả thu được trên cùng với những hàm ý quản trị được đề xuất có thể giúp các nhà quản trị xây dựng chiến lược cho sự phát triển lâu dài và bền vững của các doanh nghiệp chuyển phát nhanh trong môi trường kinh doanh cạnh tranh hiện nay.	
51	SV23-24.51	Nghiên cứu các giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ nhằm tối ưu hoá trong vận hành Depot tại Việt Nam	<b>Phạm Trà My</b> Trần Thị Thu Nga Bùi Thị Phương Thanh	KTB62ĐH KTB62ĐH KTB62ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Nguyễn Thị Hương	Nội dung bài nghiên cứu xác định rõ khái niệm depot, vai trò, vị trí của depot trong vận tải đa phương thức đồng thời làm nổi bật những thách thức, khó khăn khi quản lý, điều hành khai thác depot, từ đó đề xuất ra những giải pháp và những ứng dụng khoa học công nghệ nhằm tối ưu hoá dịch vụ, cải thiện những bất lợi, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Depot.	
52	SV23-24.52	Nghiên cứu biện pháp nâng cao hiệu quả phân phối dịch vụ giao nhận tại Hải Phòng: Ứng dụng hệ thống gợi ý phát triển ứng dụng báo giá tự động	<b>Nguyễn Thị Thanh Trúc</b> Nguyễn Ngọc Trang Nguyễn Thị Nhung	LQC61ĐH LQC61ĐH LQC61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Phạm Thị Mai Phương	Nghiên cứu được tiến hành nhằm mục đích đánh giá hiệu quả phân phối dịch vụ giao nhận tại Hải Phòng. Thông qua khảo sát và dựa trên các nghiên cứu đã có, tổng hợp các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả phân phối dịch vụ giao nhận tại Hải Phòng. Từ đó, đề xuất ứng dụng phần mềm công nghệ hỗ trợ nhân viên công ty trong việc báo giá tự động cho khách hàng. Phần mềm có tác dụng chủ yếu hỗ trợ nhân viên kinh doanh trong việc đơn giản và tối ưu hoá các bước trong việc ký kết hợp đồng, dựa trên dữ liệu khách hàng tự động đề xuất và báo giá cước vận chuyển hợp lý.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
53	SV23-24.53	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ logistics tại thành phố Hải Phòng	<b>Nguyễn Hải Anh</b> Nguyễn Thị Ngọc Huyền Lê Nguyễn Thuý Anh Phạm Đức Thành	LQC61ĐH2 LQC61ĐH2 LQC61ĐH2 LQC61ĐH2	Khoa Kinh tế	ThS. Lê Mạnh Hưng	Nghiên cứu nhằm mục đích xây dựng một mô hình lý thuyết mang tính khoa học đo lường sự ảnh hưởng của các nhân tố tác động đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ Logistics của các nhà cung cấp dịch vụ logistics tại Thành phố Hải Phòng. Dựa trên mô hình SERVQUAL cùng phương pháp định tính kết hợp định lượng (hồi quy tuyến tính), thực hiện thu thập dữ liệu từ các công ty xuất nhập khẩu và công ty sử dụng dịch vụ logistics có quy mô từ công ty nhỏ đến những công ty có vốn hoá vừa và lớn cùng với việc phân tích dựa trên SPSS nhằm tìm ra những nhân tố ảnh hưởng tác động đến sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ hậu cần. Kết quả dự kiến đạt được là cơ sở để đưa ra một số giải pháp giúp cho các công ty cung cấp dịch vụ Logistics tại Hải Phòng cải thiện chất lượng dịch vụ và tạo ra trải nghiệm tích cực hơn cho khách hàng trong thời gian tới.	
54	SV23-24.54	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới logistics ngược trong ngành thương mại điện tử ở Việt Nam	<b>Lê Thị Xim</b> Hồ Hoàng Yến Cao Thị Hải Yến Vũ Thị Sen	LQC61ĐH LQC61ĐH LQC61ĐH LQC61ĐH	Khoa Kinh tế	TS. Nguyễn Thị Lê Hằng	Nghiên cứu được tiến hành nhằm mục đích xác định các nhân tố ảnh hưởng tới logistics ngược trong ngành thương mại điện tử ở Việt Nam.	
55	SV23-24.55	Nghiên cứu các hình thức phối hợp tàu lai và đoàn sà lan trong vận tải thủy nội địa và đề xuất phương án ghép phối hợp trên tuyến Hải Phòng - Bắc Ninh	<b>Trần Kim Ngân</b> Đương Thị Mai Anh Mai Thùy Dương	KTT61ĐH KTT61ĐH KTT61ĐH	Khoa Kinh tế	TS. Vương Thị Hương Thu	Nghiên cứu nhằm phân tích đặc điểm các hình thức phối hợp giữa tàu lai và đoàn sà lan trong vận tải thủy nội địa từ đó đề xuất phương án ghép phối hợp trên tuyến Hải Phòng - Bắc Ninh.	
56	SV23-24.56	Nghiên cứu phát triển nền tảng e learning phục vụ đào tạo nội bộ cho các công ty Logistics vận tải biển	<b>Nguyễn Duy Hiếu</b> Nguyễn Đức Anh Lại Thị Hiền Vi	LQC62ĐH LQC62ĐH LQC62ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Nguyễn Thị Hương	Bài nghiên cứu tập trung tìm hiểu phát triển và xây dựng Hệ thống phần mềm e-Learning (LMS) cho phép tối ưu công tác quản lý đào tạo cấp TCT và nâng cao tính chủ động của đầu mối HLĐT tại các đơn vị; đồng thời lưu trữ nhiều thông tin đào tạo, thói quen học tập của CB, NV để cùng với phần mềm quản lý nhân sự (HRM) cung cấp dữ liệu tin cậy phục vụ công tác phân tích nhu cầu, lập kế hoạch và quản lý công tác huấn luyện đào tạo tại các công ty Logistics.	
57	SV23-24.57	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu hạt điều tại Tây Nguyên sang thị trường Mỹ giai đoạn 2023-2028	<b>Phạm Thu Trang</b> Phạm Thị An Thư Nguyễn Tân Uyên	KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH	Khoa Kinh tế	<b>ThS. Huỳnh Tất Minh</b> ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo	Bài nghiên cứu tập trung phân tích, đánh giá thực trạng xuất khẩu hạt điều tại vùng Tây Nguyên nước ta hiện nay. Nghiên cứu sẽ xây dựng mô hình và phân tích nhân tố ảnh hưởng tới giá trị xuất khẩu hạt điều tại Việt Nam thông qua các phương pháp tổng hợp và tiếp cận, phương pháp tư duy logic, phương pháp điều tra và khảo sát, phương pháp thống kê, phân tích và so sánh, phương pháp kế thừa, tổng kết kinh nghiệm... Từ đó, kết quả thu về có thể được các nhà hoạch định chính sách sử dụng để đưa ra các kiến nghị nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu hạt điều từ Tây Nguyên, Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ.	
58	SV23-24.58	Nghiên cứu tình hình sản lượng hàng hóa qua cảng và một số yếu tố tác động đến hiệu quả khai thác kết cấu hạ tầng cảng biển Hải Phòng	<b>Nguyễn Thị Phương Thảo</b> Trần Ngọc Đan Vy Đào Thị Việt Phương	KTB62ĐH LQC62ĐH KTB62ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình	Nghiên cứu làm rõ tình hình sản lượng hàng hóa qua cảng và hiện trạng cơ sở hạ tầng tại khu vực cảng biển Hải Phòng, giúp nhận diện những vấn đề còn hạn chế trong khai thác kết cấu hạ tầng cảng biển Hải Phòng, từ đó đề xuất một số biện pháp khắc phục để cảng biển Hải Phòng có sức cạnh tranh và hấp dẫn cao đối với các hãng tàu, chủ hàng.	
59	SV23-24.59	Đánh giá khả năng ứng dụng công nghệ GPS, BEACON trong giám sát kho hàng và giao nhận tại Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hải hàng không Con Cá Heo	<b>Nguyễn Thị Quỳnh Trang</b> Lê Đoàn Diệu Trinh Nguyễn Thị Thanh Hoa	KTB62ĐH KTB62ĐH KTB62ĐH	Khoa Kinh tế	TS. Phạm Thị Quỳnh Mai	Nghiên cứu tập trung vào các công nghệ định vị được sử dụng trong việc giám sát kho hàng và giao nhận, thành phần cấu tạo cũng như cơ chế hoạt động của hệ thống GPS, BEACON. Bên cạnh đó, đánh giá và phân tích quá trình ứng dụng hệ thống công nghệ định vị vào các lĩnh vực logistics tại doanh nghiệp và những lợi ích mà nó đem lại.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
60	SV23-24.60	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng khai thác vận tải thủy nội địa trên hành lang vận tải Hà Nội - Nam Định - Ninh Bình giai đoạn 2023-2028	<b>Đào Kiên Hải Anh</b> Vũ Thị Ngân Thoa Vũ Thị Ngọc Anh Trần Vũ Phương Nhi Tô Hoàng Xuân Nhi	KTT62ĐH KTT62ĐH KTT62ĐH KTT62ĐH KTT62ĐH	Khoa Kinh tế	TS. Vương Thị Hương Thu	Nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng vận chuyển hàng hóa trên hành lang vận tải thủy Hà Nội - Nam Định - Ninh Bình và đề xuất các biện pháp tăng cường khả năng khai thác vận tải thủy nội địa trên hành lang giai đoạn 2023-2028.	
61	SV23-24.61	Ứng dụng mô hình kinh doanh Canvas (BMC) lập dự án kinh doanh nhận nhượng quyền thương hiệu Cooler city	<b>Nguyễn Phương Thảo</b> Đặng Thị Quỳnh Giang Nguyễn Thị Khánh Ly Vũ Thu Trà	KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH	Khoa Kinh tế	<b>ThS. Nguyễn Quỳnh Trang</b> ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo	Nghiên cứu nhằm mục đích lập 1 kế hoạch kinh doanh nhận nhượng quyền có tính khả thi thương hiệu trà và kem Cooler City từ Trung Quốc. Phương pháp nghiên cứu là thu thập dữ liệu và sử dụng mô hình khởi nghiệp tinh gọn Lean Canvas để làm rõ giá trị cốt lõi, khách hàng mục tiêu, kênh phân phối, dòng thu nhập, chi phí.	
62	SV23-24.62	Nghiên cứu về tác động của hiệp định EVFTA đến tình hình xuất khẩu được phẩm của Việt Nam sang thị trường EU	<b>Lê Thị Thu Hương</b> Nguyễn Thị Thu Thương Vũ Trần Khánh Huyền	KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH	Khoa Kinh tế	<b>ThS. Lương Thị Kim Oanh</b> ThS. Nguyễn Quỳnh Trang	Bài nghiên cứu tập trung về các tác động của hiệp định EVFTA đến tình hình xuất khẩu của ngành được phẩm Việt Nam sang thị trường EU. Thông qua các phương pháp thống kê, phân tích và so sánh, phương pháp kế thừa tổng kết kinh nghiệm. Từ đó, đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục các khó khăn, đẩy mạnh xuất khẩu ngành được phẩm của Việt Nam sang EU.	
63	SV23-24.63	Nghiên cứu tác động của việc phát triển năng lượng tái tạo bền vững tới các hoạt động thương mại quốc tế	<b>Trần Thị Ngọc Dung</b> Bùi Quỳnh Hương Phạm Trang Linh	KTN62ĐH KTN62ĐH KTN62ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Lương Thị Kim Oanh	Phân tích tiềm năng, thực trạng và tác động của phát triển năng lượng tái tạo đối với thương mại quốc tế. Đề xuất giải pháp phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính phân tích, so sánh để làm rõ vấn đề nghiên cứu.	
64	SV23-24.64	Nghiên cứu ảnh hưởng của các chiến lược quảng cáo đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trên nền tảng mạng xã hội Tiktok tại Việt Nam	<b>Lê Thị Ngọc Huyền</b> Phạm Xuân Lê Minh Nguyễn Khánh Linh Nguyễn Đức Kiên	LQC63ĐH KTB63ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Nguyễn Hữu Hưng	Bài nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá tác động của các chiến lược quảng cáo trên mạng xã hội Tiktok đối với hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp tại Việt Nam. Nghiên cứu này nhằm giúp các doanh nghiệp hiểu rõ hơn về cách tận dụng Tiktok như một công cụ quảng cáo hiệu quả và đưa ra các giải pháp để cải thiện chiến lược quảng cáo trên nền tảng này.	
65	SV23-24.65	Giải pháp nâng cao năng lực số của sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số	<b>Hà Phương Liên</b> Trần Thị Quỳnh Chi Nguyễn Thị Ngọc Ánh Nguyễn Ngọc Hương Ly Trần Thị Minh Thư	KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH	Khoa Kinh tế	TS. Bùi Thị Thanh Nga	Hiện nay, trên thế giới có một số khung năng lực đã được ban hành nhưng tại Việt Nam vẫn chưa có một khung năng lực số chung. Dựa vào các khung năng lực số của quốc tế, nhóm chuyên gia đến từ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã đề xuất một khung năng lực số dành riêng cho công dân Việt Nam, đặc biệt là thế hệ sinh viên. Bài nghiên cứu nhằm phân tích, đánh giá thực trạng năng lực số của sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam dựa trên khung năng lực số trên để từ đó đưa ra giải pháp nâng cao năng lực số giúp sinh viên sống, học tập, làm việc và tham gia giao tiếp một cách hiệu quả trong bối cảnh chuyển đổi số.	
66	SV23-24.66	Nghiên cứu ứng dụng AI trong việc quản lý rủi ro tại Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng (TC-HITC)	<b>Nguyễn Thị Khánh Ly</b> Đặng Thị Quỳnh Giang Nguyễn Phương Thảo Vũ Thu Trà	KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH	Khoa Kinh tế	TS. Lê Sơn Tùng	Nghiên cứu nhằm tìm kiếm, phát hiện những rủi ro, điểm bất thường xảy ra gây thiệt hại cho con người, phương tiện trong cảng để ứng dụng công nghệ AI để phân tích, xử lý tình huống. Nghiên cứu tập trung vào việc đưa ra phương án tối ưu dựa trên công nghệ AI để phòng tránh những rủi ro tại Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng (TC-HITC).	
67	SV23-24.67	Tổ chức tác nghiệp thống nhất vận tải container tuyến Ninh Bình - Hải Phòng	<b>Trần Ngọc Hân</b> Trần Gia Linh Nguyễn Thị Phi Nhung	KTT61ĐH KTT61ĐH KTT61ĐH	Khoa Kinh tế	PGS.TS. Dương Văn Bạo	Nghiên cứu nhằm phối hợp tác nghiệp giữa các phương thức vận tải trong vận tải container tuyến Ninh Bình - Hải Phòng.	
68	SV23-24.68	Tổ chức vận tải đa phương thức vận chuyển apatit trên tuyến Lào Cai - Vũng Tàu	<b>Phạm Thị Nhung</b> Phạm Thị Phương Liên Cao Hằng My Bùi Thị Ly	KTT61ĐH KTT61ĐH KTT61ĐH KTT61ĐH	Khoa Kinh tế	PGS.TS. Dương Văn Bạo	Nghiên cứu nhằm phối hợp các phương thức vận tải trong vận chuyển apatit trên tuyến Lào Cai - Vũng Tàu.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
69	SV23-24.69	Tối ưu hoá bố trí phương tiện vận tải container bằng đường thủy nội địa khu vực phía Bắc giai đoạn 2024-2026	<b>Nguyễn Thị Thu Huyền</b> Ngô Tú Phương Võ Thị Nhung	KTT61ĐH KTT61ĐH KTT61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Bùi Thanh Hải	Nội dung đề tài nghiên cứu tập trung vào đánh giá thực trạng hiệu quả vận tải container bằng đường thủy nội địa khu vực phía Bắc, từ đó tối ưu hoá bố trí phương tiện vận tải container bằng đường thủy nội địa khu vực phía Bắc.	
70	SV23-24.70	Đề xuất các biện pháp thúc đẩy vận tải container bằng đường thủy nội địa cho các ICD khu vực phía Bắc giai đoạn 2024-2030	<b>Phạm Ngọc Hà</b> Tô Trà My Đậu Quỳnh Anh	KTT61ĐH KTT61ĐH KTT61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Bùi Thanh Hải	Bài nghiên cứu tập trung vào phân tích đánh giá thực trạng vận tải container bằng đường thủy nội địa của các ICD khu vực phía Bắc, từ đó đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả khai thác vận tải thủy nội địa khu vực phía Bắc.	
71	SV23-24.71	Nghiên cứu tác động của các yếu tố tới việc ứng dụng công nghệ Container Gate Automation tại Công ty cổ phần cảng MIPEC	<b>Phùng Thị Hải Yến</b> Vũ Thị Bích Ngọc Vũ Thị Thu Phương	KTB61ĐH KTB61ĐH KTB61ĐH	Khoa Kinh tế	PGS.TS. Đặng Công Xương	Nghiên cứu được tiến hành nhằm mục đích xác định các yếu tố ảnh hưởng tới việc ứng dụng công nghệ Container Gate Automation, đồng thời chỉ ra những cơ hội, khó khăn và thách thức khi áp dụng công nghệ tại Công ty cổ phần cảng MIPEC từ đó kiến nghị một số giải pháp cải tiến công nghệ sao cho phù hợp với tình hình của cảng.	
72	SV23-24.72	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định ứng dụng công nghệ IoT vào quản lý kho hàng ở Hải Phòng	<b>Nguyễn Anh Tuấn</b> Nguyễn Mai Trinh Đặng Thùy Dương	KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Trần Ngọc Hưng	Nghiên cứu sẽ xác định và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng công nghệ IoT trong quản lý kho hàng tại Hải Phòng. Các yếu tố này có thể bao gồm chi phí đầu tư, hiệu suất, tiện ích, rủi ro, và các yếu tố hợp pháp liên quan đến việc triển khai IoT.	
73	SV23-24.73	Nghiên cứu thiết kế phần mềm tính toán và quản lý thưởng phạt quá trình xếp dỡ tàu tại cảng, áp dụng trên đội tàu của VOSCO	<b>Phạm Thị Lê Vy</b> Nguyễn Bảo Lâm Phương Mai Ngọc Hà	KTB61ĐH KTB61ĐH KTB61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Hồ Thị Thu Lan	Tự thực tiễn cần tính toán các khoản thưởng phạt cho tàu tại cảng, nghiên cứu tập trung thu thập các dữ liệu cần thiết nhằm xây dựng cơ bản phần mềm tính toán thưởng phạt cho tàu tại cảng đối với đội tàu của công ty cổ phần vận tải biển VOSCO.	
74	SV23-24.74	Nghiên cứu ứng dụng triết lý Kaizen và công cụ 5s trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất của Chi nhánh Tân Vũ, Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	<b>Nguyễn Hữu Toàn</b> Đinh Thị Thanh Huyền Nguyễn Thị Mai Phương	KTB61ĐH KTB61ĐH KTB61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Hồ Thị Thu Lan	Nội dung bài nghiên cứu tập trung vào việc phân tích triết lý kaizen và ứng dụng công cụ 5S trong hoạt động sản xuất nói chung, những thành tựu đạt được từ đó áp dụng vào hoạt động sản xuất tại chi nhánh Tân Vũ - Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng.	
75	SV23-24.75	Nghiên cứu sự thay đổi hành vi tiêu dùng mua sắm trong sự phát triển thương mại điện tử tại Việt Nam	<b>Vũ Thị Hồng Hân</b> Nguyễn Hà Phương Anh Trịnh Ngọc Thủy	KTN62ĐH KTN62ĐH KTN62ĐH	Khoa Kinh tế	TS. Bùi Thị Thanh Nga	Bài nghiên cứu nhằm phân tích, đánh giá hành vi tiêu dùng mua sắm trong sự phát triển của thương mại điện tử tại Việt Nam. Từ đó đưa ra những giải pháp để thúc đẩy thương mại điện tử phát triển bền vững. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng phân tích, so sánh để làm rõ vấn đề nghiên cứu.	
76	SV23-24.76	Nghiên cứu hệ thống vệ sinh tự động tấm pin năng lượng mặt trời	<b>Đinh Thị Thanh Huyền</b>	KTB61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Trần Ngọc Hưng	Việc tích tụ bụi bẩn từ môi trường bên ngoài trên các tấm pin năng lượng mặt trời là điều tự nhiên. Theo thời gian, sự tích tụ bụi trên bề mặt các tấm pin năng lượng mặt trời làm giảm đáng kể hiệu suất của chúng nếu không được vệ sinh. Tuy nhiên làm sạch các tấm pin năng lượng bằng phương pháp thủ công chỉ được thực hiện định kỳ, nguy hiểm do việc leo lên giàn pin trên cao là khá khó khăn và phức tạp... Làm sạch và vệ sinh tự động, thường xuyên bằng robot thông minh là một giải pháp thay thế. Bài nghiên cứu ảnh hưởng của sự tích tụ bụi đến hiệu suất của tấm pin năng lượng mặt trời, tập trung đưa ra sáng kiến, sản xuất robot tự động vệ sinh, lau rửa bề mặt các tấm pin năng lượng mặt trời.	
77	SV23-24.77	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất lượng nguồn nhân lực cảng biển đến sự phát triển cảng thông minh tại Hải Phòng	<b>Phạm Hồng Huệ</b> Nguyễn Thị Thiên Thảo	KTB61ĐH KTB61ĐH	Khoa Kinh tế	TS. Phạm Thị Thu Hằng	Hệ thống hóa các lý luận về chất lượng nguồn nhân lực cảng biển và cảng thông minh. Phân tích mối quan hệ giữa chất lượng nguồn nhân lực cảng biển và sự phát triển của cảng thông minh tại Hải Phòng. Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cảng biển, góp phần thúc đẩy sự phát triển của cảng thông minh tại Hải Phòng.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
78	SV23-24.78	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển vận tải container bằng đường thủy nội địa tuyến Hải Phòng - Bắc Ninh	<b>Đỗ Hồng Hạnh</b> Nguyễn Hoàng Hà Lê Huy Đại	KTB61ĐH KTB61ĐH KTB61ĐH	Khoa Kinh tế	TS. Phạm Thị Thu Hằng	Xác định vai trò của các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển vận tải container bằng đường thủy nội địa tuyến Hải Phòng - Bắc Ninh. Từ đó gợi ý vận dụng để dự báo và xây dựng kế hoạch, chiến lược và đề xuất một số giải pháp chính sách nhằm hỗ trợ sự phát triển các tuyến vận tải đường thủy nội địa.	
79	SV23-24.79	Nghiên cứu tiềm năng phát triển ngành công nghiệp chất bán dẫn tại Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam- Hoa Kỳ thiết lập mối quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện	<b>Vũ Đức Mạnh</b> Đặng Thị Huyền Thơ Mai Việt Hải	KTN61ĐH KTN61ĐH KTN61ĐH	Khoa Kinh tế	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo	Xác định rõ mối quan hệ đối tác chiến lược của Việt Nam- Hoa Kỳ được kí kết vào tháng 9/2023 tạo nên những cơ hội, tiềm năng phát triển gì cho ngành công nghiệp chất bán dẫn tại Việt Nam. Bên cạnh đó, tìm hiểu tầm quan trọng của Việt Nam trong việc thiết lập chuỗi cung ứng bán dẫn toàn cầu.	
80	SV23-24.80	Đánh giá công tác quản trị chất lượng dịch vụ giao nhận Container hệ thống Cảng tại Hải Phòng - Áp dụng đối với Cảng VIP Green Port	<b>Nguyễn Thị Thảo Vân</b> Phạm Thị Phương Thu Bùi Thị Hoàng Yến	QKD61ĐH QKD61ĐH QKD61ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	ThS. Phạm Ngọc Thanh	Cảng Hải Phòng là cụm cảng tổng hợp cấp quốc gia, có lưu lượng hàng hóa thông qua lớn nhất phía Bắc Việt Nam. Để có được thành công như hiện nay Hải Phòng luôn chú trọng nâng cao chất lượng các dịch vụ, nâng cao tính chuyên nghiệp trong từng quy trình thực hiện. Nghiên cứu này sẽ tiến hành đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ giao nhận Container của hệ thống cảng Hải Phòng, áp dụng đối với Cảng VIP Green Port.	
81	SV23-24.81	Nghiên cứu ảnh hưởng của GRDP tới tốc độ tăng dân số Hải Phòng	<b>Nguyễn Thu Huyền</b> Nguyễn Thúy Ninh Phạm Thị Ngọc Khánh	QKD61ĐH QKD61ĐH QKD61ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	TS. Đỗ Thanh Tùng	Nghiên cứu ảnh hưởng của GRDP và các nhân tố phụ thuộc GRDP như thu nhập bình quân, chỉ số tiêu dùng... tác động đến tăng hoặc giảm dân số trên địa bàn Hải Phòng. Qua đó xác định nguồn lao động tương lai cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.	
82	SV23-24.82	Nghiên cứu một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho của công ty TNHH Tamada Việt Nam	<b>Phạm Thị Thu</b> Dương Thanh Thảo Nguyễn Thị Hương	QKT61ĐH QKT61ĐH QKT61ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	ThS. Lê Trang Nhung	Hàng tồn kho được coi là sự liên kết của việc sản xuất và bán sản phẩm. Đồng thời còn là một phần của tài sản ngắn hạn, chiếm tỷ trọng lớn và có vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của chính doanh nghiệp. Việc nghiên cứu một số biện pháp này nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho của doanh nghiệp	
83	SV23-24.83	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả chiến lược phát triển bền vững của các ngân hàng thương mại Việt Nam	<b>Nguyễn Quang Hậu</b> Nguyễn Thị Thanh Trúc Trịnh Thu Trang	TCH61ĐH1 TCH61ĐH1 TCH61ĐH2	Khoa Quản trị - Tài chính	ThS. Đỗ Cẩm Nhung	Nghiên cứu sẽ dựa trên thực trạng các Ngân hàng thương mại Việt Nam để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hành các chiến lược phát triển bền vững, và đo lường mức độ tác động của các yếu tố đó.	
84	SV23-24.84	Giải pháp xử lý và tái chế vải vụn thành các bộ trang phục và phụ kiện đi kèm nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho các xưởng may	<b>Nguyễn Thị Quỳnh Nga</b> Đào Hồng Hạnh Trần Thị Tuyết Nhung Nguyễn Trần Trâm Anh	QKT62ĐH QKD62ĐH QKD62ĐH QKD62ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	TS. Tô Văn Tuấn	Nhu cầu về thời trang của xã hội ngày càng tăng cao chính vì vậy mà lượng vải vụn từ các xưởng may và các tiệm may nhỏ lẻ cũng tăng đáng kể dẫn đến lãng phí và có thể gây ô nhiễm môi trường. Nghiên cứu này sẽ phát triển ý tưởng đưa ra giải pháp để xử lý và tái chế vải vụn thành các bộ trang phục và phụ kiện đi kèm nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho các xưởng may.	
85	SV23-24.85	Nghiên cứu lợi thế cạnh tranh và xu hướng phát triển của ngành F&B tại Việt Nam	<b>Hoàng Doãn Thắng</b> Nguyễn Hồng Đức Đặng Thị Xuân Thu	QKD61ĐH QKD61ĐH QKD61ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	TS. Đỗ Thị Bích Ngọc	Hệ thống hóa lý thuyết về lợi thế cạnh tranh. Làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến lợi thế cạnh tranh của ngành F&B tại Việt Nam. Đề xuất gợi ý chính sách về xu hướng phát triển của ngành F&B tại Việt Nam.	
86	SV23-24.86	Nghiên cứu ảnh hưởng của chi phí logistics đối với ngành thủy hải sản tại Việt Nam	<b>Trần Thế Sơn</b> Đoàn Sơn Sắc Nguyễn Hoàng Anh	QKD61ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	TS. Mai Khắc Thành	Hệ thống hóa lý thuyết về ảnh hưởng của chi phí logistics đối với ngành thủy hải sản tại Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng của ảnh hưởng của chi phí logistics đối với ngành thủy sản tại Việt Nam. Đề xuất gợi ý chính sách nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của chi phí logistics đối với ngành thủy hải sản tại Việt Nam.	
87	SV23-24.87	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của các công ty bất động sản trên sàn chứng khoán (HOSE) 2018-2022	<b>Trịnh Thị Vân Anh</b> Bùi Thị Huyền Trang Chu Thanh Thủy	QKD62ĐH1 QKT62ĐH QKT62ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	ThS. Phan Thị Minh Châu	Đề tài nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của những doanh nghiệp lớn ngành này bao gồm tốc độ tăng trưởng, quy mô doanh nghiệp, tính thanh khoản đều có tác động cùng chiều với lợi nhuận, những đòn bẩy tài chính tác động ngược chiều với lợi nhuận của doanh nghiệp. Qua đó, đề tài đưa ra các khuyến nghị cho nhà đầu tư và các công ty hoạt động trong ngành bất động sản để hướng tới việc tăng trưởng lợi nhuận một cách bền vững.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
88	SV23-24.88	Phân tích ảnh hưởng của công nghệ 4.0 đến hoạt động quản trị nhân sự của các doanh nghiệp cảng biển tại TP. Hải Phòng	<b>Nguyễn Trần Lan Anh</b> Nguyễn Thị Hương Giang Phạm Như Quỳnh	QKD62ĐH2	Khoa Quản trị - Tài chính	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Nghiên cứu, xem xét sức ảnh hưởng của chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ 4.0 vào quy trình quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo nhân lực, ... tại một số doanh nghiệp cảng biển ở khu vực Hải Phòng. Từ đó, thấy được ảnh hưởng tiêu cực, tích cực, sâu rộng của công nghệ 4.0 đến doanh nghiệp.	
89	SV23-24.89	Phân tích khả năng đáp ứng tiêu chuẩn làm nhà cung ứng cho các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực Dệt may, da giày tại Hải Phòng	<b>Đặng Thị Thuỳ Trang</b> Trần Thị Ngọc Anh Trương Thị Mai	QKT62DH1 QKT62DH2 TCH62DH2	Khoa Quản trị - Tài chính	ThS. Phan Thị Minh Châu	Ngành Dệt may da giày tuy tăng trưởng nhanh nhưng sản xuất theo phương thức gia công là chủ yếu, khâu thiết kế còn yếu và chưa được thị trường nước ngoài chấp nhận với định vị thương hiệu Việt Nam. Nghiên cứu này sẽ phân tích khả năng đáp ứng tiêu chuẩn làm nhà cung ứng cho các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực dệt may, da giày tại Hải Phòng.	
90	SV23-24.90	Nghiên cứu các yếu tố thuộc môi trường vi mô tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	<b>Đào Phương Thảo</b> Hoàng Thị Thu Hà Phạm Thị Quỳnh Chi	QKD61ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	TS. Đỗ Thị Bích Ngọc	Hệ thống hoá lý thuyết về các yếu tố vi mô tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Phân tích thực trạng các yếu tố vi mô ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Hàng hải Việt Nam.	
91	SV23-24.91	Nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng Basel III đối với các Ngân hàng thương mại tại Việt Nam	<b>Lê Thị Bích Ngọc</b> Đào Thị Kim Oanh Nguyễn Hữu Đạt	TCH61ĐH TCH61ĐH TCH61ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	ThS. Nguyễn Minh Trang	Hiệp ước quốc tế về an toàn vốn (Hiệp ước Basel) là khung quản trị rủi ro mang tính toàn diện, một trong những hiệp ước được hầu hết các nhà quản trị ngân hàng quan tâm. Hiệp ước vốn Basel (the Basel Capital Accord) đã trải qua nhiều lần cải tiến, bổ sung, sửa đổi từ Basel I sang Basel II rồi đến Basel III năm 2010. Tại Việt Nam, việc ứng dụng các hiệp ước Basel vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Nghiên cứu này sẽ tìm hiểu những nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng Basel III đối với các Ngân hàng thương mại tại Việt Nam và đưa ra một vài phương hướng nhằm áp dụng hiệu quả Basel III vào NHTM tại Việt Nam.	
92	SV23-24.92	Nghiên cứu một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Đầu tư và Thương mại dịch vụ Kim Tín	<b>Trần Thị Lệ</b> Phạm Thị Hương Phan Thị Phương Anh	QKT61ĐH2	Khoa Quản trị - Tài chính	ThS. Lê Trang Nhung	Bài nghiên cứu này thông qua việc tìm hiểu thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại dịch vụ Kim Tín, từ đó đánh giá và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán tại đơn vị.	
93	SV23-24.93	Giải pháp quản trị rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Hải Phòng	<b>Nguyễn Thị Minh Thúy</b> Phan Hà Phương Đoàn Thị Nhung Trang	TCH61ĐH TCH61ĐH TCH61ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	PSG.TS. Đỗ Thị Mai Thơm	Nghiên cứu các giải pháp quản trị rủi ro trong ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, chi nhánh Hải Phòng.	
94	SV23-24.94	Phân tích mối quan hệ giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2016-2022	<b>Vũ Thị Ngọc Ánh</b> Phạm Thị Linh Lê Thanh Phương	QKT61ĐH QKT61ĐH QKT61ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	ThS. Đinh Thị Thu Ngân	Nghiên cứu này sẽ làm rõ một vài tác động tích cực, cũng như những hạn chế của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam thời gian qua, từ đó đề xuất các giải pháp để tận dụng những tác động tích cực và hạn chế những rủi ro tiềm ẩn cho nền kinh tế trong việc thu hút FDI đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam.	
95	SV23-24.95	Phân tích Tình hình tài chính của Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam	<b>Phạm Thị Hiền</b> Tống Thị Phương Anh Vũ Thị Hồng Vân	QKT61ĐH QKT61ĐH QKT61ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	ThS. Bùi Thị Phương	Phân tích tài chính và đánh giá tình hình tài chính của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam; những thuận lợi và khó khăn mà Công ty gặp phải, từ đó tìm các giải pháp nâng cao hiệu quả tài chính cũng như nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong tương lai của Công ty.	
96	SV23-24.96	Xu hướng đầu tư trực tiếp của Việt Nam và cơ hội việc làm cho sinh viên mới ra trường	<b>Nguyễn Thị Phương Thảo</b> Nguyễn Thị Ngân Nguyễn Thị Phương Linh	QKT61DH QKT61DH QKT61DH	Khoa Quản trị - Tài chính	ThS. Nguyễn Thị Thu Hà	Hiện nay đầu tư nước ngoài ở Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, đóng góp nhiều cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Nghiên cứu này sẽ nghiên cứu các nhân tố tác động đến dòng vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Việt Nam để đưa ra các hàm ý chính sách đẩy mạnh đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
97	SV23-24.97	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới nợ xấu của các Ngân hàng thương mại đang niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam	<b>Đỗ Hải Xuân Quỳnh</b> Nguyễn Đức Thọ Trần Ngọc Diệp Phạm Quỳnh Trang	TCH62ĐH TCH62ĐH TCH62ĐH TCH62ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	Th.S. Lê Chiến Thắng	Nghiên cứu sẽ chỉ ra các nhân tố vĩ mô, vi mô và mức độ ảnh hưởng của những nhân tố đó đến nợ xấu của các Ngân hàng thương mại đang niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam, từ đó đưa ra các giải pháp và kiến nghị nhằm khắc phục thực trạng này.	
98	SV23-24.98	Nghiên cứu GRDP bình quân của thành phố Hải Phòng ảnh hưởng tới độ hài lòng của dân chúng	<b>Nguyễn Phúc Tùng Lâm</b> Cao Hữu Phụng Nguyễn Thị Huệ	QKD61DH QKD61DH QKD61DH	Khoa Quản trị - Tài chính	TS. Đỗ Thanh Tùng	Nghiên cứu mức tăng trưởng GRDP trong giai đoạn 2010-2023 đã tác động như thế nào tới mức độ hài lòng của dân chúng thông qua phiếu điều tra đối với các tầng lớp xã hội	
99	SV23-24.99	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp ngành vận tải biển giai đoạn 2017-2023	<b>Nguyễn Yến Nhi</b> Nguyễn Thanh Hào Mai Thị Yến	QKT61ĐH QKT61ĐH QKT61ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	Th.S. Đinh Thị Thu Ngân	Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp ngành vận tải biển giai đoạn 2017-2023.	
100	SV23-24.100	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống Enterprise Resource Planning (ERP) trong kế toán quản trị doanh thu trong Doanh nghiệp Logistics	<b>Đào Mai Anh</b> Nguyễn Đình Trọng Nguyễn Hữu Đạt Vũ Hồng Hoàng	TCH61ĐH TCH61ĐH TCH61ĐH TCH61ĐH	Khoa Quản trị - Tài chính	PGS.TS. Đỗ Thị Mai Thơm	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống Enterprise Resource Planning (ERP) trong kế toán quản trị doanh thu trong Doanh nghiệp Logistics. Hoàn thiện tích hợp phần mềm quản trị doanh nghiệp thông qua hệ thống ERP nhằm quản lý khách hàng, nâng cao doanh thu cho các doanh nghiệp Logistics.	
101	SV23-24.101	A study of structural and rhythmic parallelism between English and Vietnamese idioms (Nghiên cứu về tính tương đồng trong cấu trúc và nhịp điệu giữa thành ngữ tiếng Anh và thành ngữ tiếng Việt)	<b>Đặng Thị Huyền Chi</b> Đinh Thành Trung Phạm Thị Thu Huyền	NNA63ĐH NNA63ĐH NNA63ĐH	Khoa Ngoại ngữ	Th.S. Phạm Thị Quỳnh Trâm	Nghiên cứu tìm ra sự tương đồng về cấu trúc và nhịp điệu trong 300 thành ngữ Anh - Việt tương đương. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích, so sánh và đối chiếu văn bản trên 02 tài liệu: Từ điển thành ngữ Anh - Việt (Nguyễn Minh Tiến, NXB Đà Nẵng, 2020) và Từ điển thành ngữ Anh - Việt (Trịnh Thu Hương - Trung Dũng, NXB Phụ nữ, 2017).	
102	SV23-24.102	Factors impacting first - year English majors' interest in studying speaking skill at Vietnam Maritime University (Những yếu tố ảnh hưởng tới hứng thú học kỹ năng nói của sinh viên năm nhất ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)	<b>Nguyễn Thùy Linh</b> Trần Thanh Loan Lê Thị Minh Ngọc Đỗ Hồng Trang Đào Thị Kim Trang	ATM62ĐH ATM62ĐH ATM62ĐH ATM62ĐH ATM62ĐH	Khoa Ngoại ngữ	Th.S. Đỗ Thị Phương Lan	Nghiên cứu này được tiến hành nhằm tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến hứng thú trong việc học kỹ năng nói của sinh viên năm nhất ngành Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Nhóm nghiên cứu khảo sát các sinh viên năm nhất Ngôn ngữ Anh tại trường. Sinh viên trả lời các câu hỏi khảo sát online thông qua công cụ Google Forms.	
103	SV23-24.103	A research on common translation mistakes by English majors at Vietnam Maritime University (Nghiên cứu về những lỗi dịch thuật thường gặp của sinh viên Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)	<b>Lương Ngọc Nhi</b> Lương Khánh Linh Hà Quang Minh	NNA62ĐH NNA62ĐH NNA62ĐH	Khoa Ngoại ngữ	Th.S. Đỗ Thị Anh Thư	Nghiên cứu nhằm tìm ra những lỗi biên dịch phổ biến sinh viên Ngôn ngữ Anh thường mắc phải dịch khi biên dịch Anh-Việt và Việt-Anh. Nhóm nghiên cứu thu thập, phân tích lỗi dựa vào các công cụ thu thập số liệu sau: Bài tập Biên dịch của sinh viên Ngôn ngữ Anh trong quá trình học và kiểm tra giữa kỳ đã được Giảng viên đánh dấu và ghi chú. Các lỗi được liệt kê và kiểm đếm tần số để phát hiện các lỗi điển hình; Khảo sát và phỏng vấn sinh viên Ngôn ngữ Anh để nắm bắt được nguyên nhân sinh viên mắc các lỗi biên dịch đó. Từ kết quả thu được, nhóm nghiên cứu đề xuất giải pháp khắc phục cho sinh viên Ngôn ngữ Anh tại Đại học Hàng hải Việt Nam.	
104	SV23-24.104	A study on Business English vocabulary learning by English-majors at Vietnam Maritime University (Nghiên cứu về việc học từ vựng tiếng Anh thương mại của sinh viên Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)	<b>Đỗ Thành Luân</b> Đỗ Thị Khánh Linh Phạm Hoàng Yến Phạm Thị Phương Anh Trần Thị Minh Anh	ATM63ĐH ATM63ĐH ATM61ĐH ATM61ĐH ATM61ĐH	Khoa Ngoại ngữ	Th.S. Đỗ Hữu Trường	Nhóm nghiên cứu khảo sát việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, sử dụng bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn trực tiếp về những phương pháp học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành và những vấn đề mà sinh viên gặp phải khi học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành. Từ đó đề xuất một số giải pháp giúp sinh viên học từ vựng chuyên ngành hiệu quả hơn.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
105	SV23-24.105	An investigation into first year students' methods of learning speaking skill at Faculty of Foreign Studies, Vietnam Maritime University <i>(Tìm hiểu phương pháp học kỹ năng nói của sinh viên năm nhất Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)</i>	<b>Nguyễn Ngọc Phương Hoa</b> Nguyễn Thanh Sang Nguyễn Hải Yến Giang Thị Lương	ATM61ĐH ATM61ĐH ATM61ĐH ATM61ĐH	Khoa Ngoại ngữ	<b>ThS. Đỗ Hữu Trường</b> ThS. Đỗ Thị Phương Lan	Nhóm nghiên cứu tìm hiểu những phương pháp được sinh viên năm nhất tại khoa Ngoại ngữ áp dụng vào học kỹ năng nói bằng cách sử dụng bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn trực tiếp. Nghiên cứu cũng tìm hiểu những ưu điểm và hạn chế của những phương pháp này từ đó đề xuất một số giải pháp giúp sinh viên năm nhất học kỹ năng nói hiệu quả hơn.	
106	SV23-24.106	Roles of peer assessment in promoting students' public speaking performances in English at Vietnam Maritime University <i>(Vai trò của đánh giá đồng đẳng trong việc nâng cao khả năng thuyết trình đám đông bằng tiếng Anh của Sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)</i>	<b>Nhữ Thị Xuân Mai</b> Nguyễn Hồng Anh	NNA63ĐH IBL63ĐH	Khoa Ngoại ngữ	<b>ThS. Đoàn Văn Huân</b> ThS. Nguyễn Hồng Anh	Nghiên cứu vai trò của phương pháp đánh giá đồng đẳng (Peer Assessment) trong việc thúc đẩy khả năng thuyết trình đám đông bằng tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Đánh giá đồng đẳng - một trong các quy trình đánh giá lấy người học sinh làm trung tâm - chiếm trọng số 30% điểm đánh giá các học phần về kỹ năng thuyết trình đám đông (Speech Communication trong các chương trình đào tạo tiên tiến Viện Đào tạo quốc tế, và môn Thuyết trình nâng cao trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh). Đối tượng nghiên cứu gồm 155 sinh viên, thuộc 06 lớp của viện Đào tạo quốc tế và khoa Ngoại ngữ.	
107	SV23-24.107	A Comparative Study on Vietnamese and English Animals Idioms and Translation Strategies <i>(Nghiên cứu so sánh thành ngữ liên quan đến động vật giữa tiếng Việt và tiếng Anh và chiến lược dịch thuật phù hợp)</i>	<b>Nguyễn Minh Phúc</b> Nguyễn Ngọc Nguyễn Ngọc Mai Thị Mỹ Duyên	NNA63ĐH NNA63ĐH NNA63ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Đoàn Văn Huân	Nghiên cứu so sánh và đối chiếu một số các thành ngữ chỉ động vật tiếng Anh và tiếng Việt nhìn chủ yếu từ góc độ cú pháp và ngữ nghĩa biểu đạt. Cụ thể là nghiên cứu sẽ tìm ra: Các đặc điểm về cú pháp của thành ngữ chỉ động vật trong tiếng Anh; Các đặc điểm về cú pháp của thành ngữ chỉ động vật trong tiếng Việt; Sự giống và khác nhau về cú pháp thành ngữ chỉ động vật trong tiếng Anh và tiếng Việt; Các đặc điểm về ngữ nghĩa của thành ngữ chỉ động vật trong tiếng Anh; Các đặc điểm về ngữ nghĩa của thành ngữ chỉ động vật trong tiếng Việt. Trên cơ sở phân tích cú pháp và ngữ nghĩa, nhóm nghiên cứu đưa ra các đề xuất về dịch thuật Anh-Việt-Anh đối với thành ngữ về động vật.	
108	SV23-24.108	An analysis of student learning needs in Practical English grammar courses at Vietnam Maritime University. <i>(Phân tích về nhu cầu học ngữ pháp của sinh viên trong các học phần Ngữ pháp Tiếng Anh thực hành tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)</i>	<b>Nguyễn Thu Ngân</b> Vũ Phương Anh Nguyễn Hồng Chi Trần Thị Minh Phương	ATM63ĐH ATM63ĐH ATM63ĐH ATM63ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	Đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, ngữ pháp tiếng Anh thực hành là một mảng kiến thức quan trọng cần nắm vững và là nội dung bắt buộc trong khung chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh. Học phần “Ngữ pháp Tiếng Anh Thực hành 1” là điều kiện tiên quyết của “Ngữ pháp Tiếng Anh Thực hành 2” và các môn bắt buộc khác trong học kỳ 6. Câu hỏi cần đặt ra là nội dung học hiện tại của 02 học phần này đã phù hợp trình độ, đáp ứng được nhu cầu, mong muốn học tập thực tế của sinh viên hay không? Nội dung nào thì nên trọng tâm hơn, nội dung nào thì nên bỏ? Nghiên cứu này được thực hiện nhằm trả lời 02 câu hỏi nghiên cứu trên. Kết quả nghiên cứu qua khảo sát và phỏng vấn sinh viên, giảng viên dạy môn học giúp cho việc điều chỉnh nội dung tài liệu giảng dạy và chương trình học môn Ngữ pháp tiếng Anh thực hành phù hợp trình độ, nhu cầu, mong muốn của sinh viên Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam để sinh viên hứng thú học tập và học tập tốt các học phần nâng cao.	
109	SV23-24.109	A study on ESP vocabulary learning strategies used by English-major students at Vietnam Maritime University. <i>(Nghiên cứu về các chiến lược học từ vựng chuyên ngành của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)</i>	<b>Vũ Nguyễn Thu Uyên</b>	NNA63ĐH1	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Lê Thùy Tâm	Khi học các môn tiếng Anh chuyên ngành, việc có các chiến lược phù hợp để nắm vững từ vựng tiếng Anh chuyên ngành là rất quan trọng đối với các sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Nhóm nghiên cứu khảo sát 52 sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh đang học các học phần tiếng Anh chuyên ngành. Nhóm nghiên cứu kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính, sử dụng bảng câu hỏi khảo sát để đề tìm ra được các chiến lược học từ vựng sinh viên sử dụng khi học tiếng Anh chuyên ngành, phân loại chiến lược theo nhóm, sau đó kiểm đếm tần số từng loại, từ đó phát hiện nhóm chiến lược phổ biến nhất và hiệu quả nhất. Trong số các nhóm chiến lược học từ vựng, nhóm chiến lược siêu nhận thức (metacognitive strategies) được dự đoán sẽ được sử dụng thường xuyên nhất, ngược lại các chiến lược xã hội (social (consolidation) strategies) ít được sử dụng nhất.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
110	SV23-24.110	Analysis of common sentence structure errors in English speaking performance of students at Faculty of Foreign Studies ( <i>Phân tích lỗi sai về cấu trúc câu thường mắc khi nói Tiếng Anh của sinh viên Khoa Ngoại ngữ</i> )	<b>Trần Thị Xuân Hòa</b> Trịnh Ngọc Linh Phạm Thu Phương Ngô Thị Như Ngọc Ngô Thị Thu Trang	ATM63ĐH ATM63ĐH ATM63ĐH ATM63ĐH ATM63ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Ngô Ngọc Trâm	Nhận thấy tầm quan trọng của cấu trúc câu tới 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài nghiên cứu phân tích lỗi về cấu trúc câu phổ biến mà sinh viên năm nhất Khoa Ngoại ngữ thường mắc phải khi nói Tiếng Anh. Nhóm nghiên cứu thu thập bài thi nói của 50 sinh viên năm nhất. Sau đó nhóm sử dụng phương pháp định lượng để tìm ra những lỗi sai sinh viên hay mắc phải nhất. Từ đó, nhóm nghiên cứu đề xuất các phương án cải thiện việc học các mảng ngữ pháp liên quan, kỹ năng học và dạy viết để sinh viên tránh mắc khỏi những lỗi về câu này trong tương lai.	
111	SV23-24.111	Methods instructors utilize in language classrooms at the Faculty of Foreign Studies to build rapport with their students ( <i>Những phương pháp các giảng viên Khoa Ngoại ngữ sử dụng để xây dựng kết nối với sinh viên trong lớp học</i> )	<b>Vũ Ngọc Hiếu Giang</b> Vương Yến Linh Bùi Kim Oanh Đoàn Lê Đức Anh Vũ Xuân Đức	ATM62ĐH ATM62ĐH ATM62ĐH ATM62ĐH ATM62ĐH	Khoa Ngoại ngữ	<b>ThS. Ngô Ngọc Trâm</b> ThS. Nguyễn Đình Quý	Nhận thấy tầm quan trọng của việc xây dựng kết nối giữa người dạy và người học đối với việc học nói chung và học ngôn ngữ nói riêng, nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài tìm hiểu các phương pháp giảng viên sử dụng để xây dựng mối quan hệ với sinh viên trong các lớp học ngôn ngữ của Khoa ngoại ngữ. Nhóm nghiên cứu sử dụng bảng hỏi bán cấu trúc để phỏng vấn 5 giáo viên và sinh viên của các lớp học phần kỹ năng thực hành tiếng. Sau đó, nhóm sử dụng phương pháp định tính để phân loại các hành vi giảng viên sử dụng để xây dựng kết nối với sinh viên thành các nhóm có cùng điểm chung.	
112	SV23-24.112	A Study on Conceptual Metaphors using Words Relating to Body Parts ( <i>Nghiên cứu về ẩn dụ ý niệm sử dụng các từ liên quan đến các bộ phận cơ thể</i> )	<b>Vũ Thanh Tâm</b> Hoàng Ánh Tuyết	NNA63ĐH NNA63ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Ngô Thị Nhân	Bài nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu về lối nói ẩn dụ có liên quan đến các từ ngữ chỉ các bộ phận của cơ thể. Những câu có xuất hiện các từ ngữ chỉ bộ phận của cơ thể được sử dụng với nghĩa ẩn dụ được lựa chọn từ các tạp chí, báo, sách và trang web, sau đó được phân tích theo sơ đồ hình ảnh bằng phương pháp định tính, định lượng, giải thích và mô tả. Kết quả nghiên cứu giúp hiểu hơn về nghĩa ẩn dụ của một nhóm từ trong tiếng Anh, từ đó gia tăng kiến thức từ vựng và khả năng sử dụng từ vựng. Bên cạnh đó, qua nghiên cứu này, danh mục các cụm từ mang nghĩa ẩn dụ có chứa những từ ngữ chỉ các bộ phận của cơ thể sẽ được lập ra để giúp người học tiếng Anh có một nguồn tài liệu tham khảo để tra cứu khi cần.	
113	SV23-24.113	First language attrition among English Language students: Phenomenon, Causes, and Consequences ( <i>Xói mòn tiếng mẹ đẻ trong sinh viên chuyên ngành tiếng Anh: Hiện tượng, Nguyên nhân, và Hậu quả</i> )	<b>Mai Quỳnh Minh Phương</b> Bùi An Việt Lưu Xuân Hoàng	NNA62ĐH NNA62ĐH NNA62ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Nguyễn Đình Duy	Tình trạng xói mòn ngôn ngữ mẹ đẻ (đôi khi được gọi là xâm thực ngôn ngữ) là một hiện tượng phổ biến thường xảy ra với người học một ngôn ngữ thứ hai (ngoại ngữ). Người học gặp tình trạng xói mòn ngôn ngữ khi các kiến thức về ngôn ngữ mẹ đẻ bị mất dần theo thời gian do tác động của nhiều yếu tố. Nghiên cứu này tiến hành khảo sát các sinh viên hai chuyên ngành Tiếng Anh thương mại và Ngôn ngữ Anh nhằm đánh giá mức độ xói mòn ngôn ngữ mẹ đẻ đối với sinh viên chuyên ngữ, đồng thời đưa ra một số lý giải về nguyên nhân khả dĩ của hiện tượng này, cũng như tìm hiểu xem liệu việc xói mòn ngôn ngữ có ảnh hưởng gì đến quá trình học tập tiếng Anh cũng như giao tiếp hàng ngày của sinh viên hay không?	
114	SV23-24.114	Understanding the awareness and methods to train pronunciation skills of 1st year major students of Vietnam Maritime University ( <i>Tìm hiểu nhận thức và phương pháp luyện phát âm của sinh viên chuyên ngữ năm thứ nhất Trường Đại học Hàng hải Việt Nam</i> )	<b>Ngô Hương Trà</b> Đỗ Yến Vy Đào Thị Tuyền Vũ Thị Tuyết	NNA62ĐH NNA62ĐH NNA62ĐH NNA62ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Nguyễn Đình Quý	Nghiên cứu sẽ tập trung tìm hiểu thực trạng phát âm Tiếng Anh, các yếu tố tác động đến cách phát âm, những phương pháp thường sử dụng trong việc cải thiện phát âm của sinh viên chuyên ngữ năm thứ nhất Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
115	SV23-24.115	Analyzing the use of discourse markers in essay writing by third year English-majors at Vietnam Maritime University ( <i>Phân tích việc sử dụng từ nối trong viết luận của sinh viên chuyên ngữ năm thứ 3 Trường Đại học Hàng hải Việt Nam</i> )	<b>Vũ Văn Anh</b> Đỗ Thị Phương Thảo Nguyễn Hương Giang Nguyễn Thị Phương Linh	NNA61ĐH ATM61ĐH ATM61ĐH ATM61ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Nguyễn Hoài Đức	Đề tài nghiên cứu thực tế việc sử dụng từ nối (discourse markers) trong trong viết luận của sinh viên chuyên ngữ năm thứ 3 Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Tham gia nghiên cứu là một nhóm 30 sinh viên chuyên ngữ đang học môn Viết 4 thuộc khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 60 bài luận (Task 2 - IELTS) do sinh viên tham gia nghiên cứu viết. Nghiên cứu thống kê tần suất từng loại từ nối được sử dụng, sau đó tiến hành phân tích loại từ nối nào thường được sử dụng thường xuyên, loại từ nối nào bị sử dụng sai và bị lạm dụng. Kết quả của nghiên cứu giúp đánh giá được những điểm yếu, điểm mạnh trong việc sử dụng từ nối của sinh viên khi viết luận. Nghiên cứu cũng trình bày một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh nói chung và dạy và học viết tiếng Anh nói riêng tại nơi nghiên cứu.	
116	SV23-24.116	The morphological features of English compound nouns in English Maritime Commercial letters ( <i>Đặc điểm cấu trúc danh từ ghép trong thư tín tiếng Anh thương mại Hàng hải</i> )	<b>Đặng Tô Khánh Ly</b> Phùng Hoàng Đức Danh Tô Quý Đức	NNA63ĐH ATM62ĐH ATM62ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Phạm Thị Khánh Huyền	Nghiên cứu này nhằm tìm ra đặc điểm cấu trúc danh từ ghép trong các thư tín tiếng Anh thương mại Hàng hải. Nhóm nghiên cứu phân tích các loại thư tín tiếng Anh thương mại Hàng Hải như thư hỏi thông tin và đáp lời, thư xác thực, thư hướng dẫn, thư yêu cầu điều chỉnh, thư đặt hàng và xác nhận bằng phương pháp định lượng để liệt kê các loại hình cấu tạo danh từ ghép, thống kê tần suất từng loại. Kết quả nghiên cứu có giá trị ứng dụng trong việc học tập và nghiên cứu từ vựng chuyên ngành.	
117	SV23-24.117	The analysis of using Artificial Intelligence (AI) in writing assistance among VMU students ( <i>Phân tích việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ viết luận và của sinh viên VMU</i> )	<b>Đỗ Đặng Thái Dương</b> Nguyễn Mai Chi Nguyễn Thị Minh Hòa Phạm Thị Thanh Hiền Hoàng Quỳnh Phương	NNA61ĐH NNA61ĐH NNA61ĐH NNA61ĐH NNA61ĐH	Khoa Ngoại ngữ	<b>ThS. Phạm Thị Khánh Huyền</b> ThS. Lê Thủy Tâm	Đề tài này được thực hiện nhằm tìm ra các ứng dụng và công cụ AI hỗ trợ viết mà sinh viên Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam đang sử dụng, và việc sinh viên sử dụng từng ứng dụng hoặc công cụ AI như thế nào để nâng cao chất lượng bài viết. Nhóm nghiên cứu phỏng vấn sinh viên có kinh nghiệm sử dụng AI để viết bài; mỗi sinh viên mô tả về phần mềm AI họ từng sử dụng, các dạng bài viết mà SV hay sử dụng AI để hoàn thành, và chia sẻ ưu điểm và hạn chế của công cụ về mặt giá thành cũng như trong việc đáp ứng các yêu cầu đối với bài viết bao gồm nội dung, phong cách, chính tả, ngữ pháp, tổ chức liên kết ý, tránh sao chép, dịch vụ viết đoạn văn, viết luận, làm luận văn. Từ kết quả thu được, nhóm nghiên cứu sẽ đề xuất những công cụ AI hiệu quả nhất, kinh tế nhất đối với người học có nhu cầu viết tiếng Anh.	
118	SV23-24.118	An analysis of Vocabulary use in Business advertisements in English ( <i>Phân tích cách sử dụng từ vựng tiếng Anh trong quảng cáo thương mại</i> )	<b>Phạm Tuấn Anh</b>	ATM63ĐH	Khoa Ngoại ngữ	<b>ThS. Phạm Thị Thu Hằng</b> ThS. Lê Thủy Tâm	Đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, từ vựng thương mại là một mảng kiến thức rất quan trọng cần nắm vững, đặc biệt là cách sử dụng từ vựng tiếng Anh trong lĩnh vực quảng cáo. Nhóm nghiên cứu thu thập lời thoại từ 100 bài quảng cáo thương mại về sản phẩm dịch vụ trong các chuyên mục quảng cáo, sau đó tiến hành phân tích thông qua phương pháp định tính để phân loại các bước diễn ngôn trong quảng cáo và phương pháp định lượng để liệt kê danh mục từ vựng, cấu trúc và thống kê tần suất từng loại. Kết quả nghiên cứu là danh mục các thuật ngữ chuyên ngành quảng cáo và cấu trúc từ từ trong từng bước truyền đạt nội dung quảng cáo tới người tiêu dùng.	
119	SV23-24.119	Phân tích tính hiệu quả của hoạt động nhóm trong môn học ngữ pháp Tiếng Anh thực hành nhìn từ góc độ của sinh viên ( <i>Effects of group activities on English grammar learning from students' perspectives</i> )	<b>Đinh Thị Loan</b> Trương Mỹ Hoa Trần Thị Lan Anh Lê Thị Minh Thu	NNA63ĐH NNA63ĐH NNA63ĐH NNA63ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Phạm Thu Hiền	Việc học ngữ pháp tiếng Anh thường không hấp dẫn đối với người học. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu mức độ hứng thú của sinh viên khi được trải nghiệm hoạt động nhóm trong môn học ngữ pháp Tiếng Anh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu thực tiễn để tiến hành thu thập dữ liệu, phân tích và so sánh về khả năng học độc lập và theo nhóm của sinh viên trong quá trình học ngữ pháp tiếng Anh. Từ kết quả thu thập được, nghiên cứu sẽ đề xuất những hoạt động học nhóm hấp dẫn với sinh viên trong môn học này.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
120	SV23-24.120	Hiệu quả của hoạt động lồng tiếng phim nhằm cải thiện phát âm tiếng Anh cho sinh viên năm 1 ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ( <i>Effects of voice acting on improving pronunciation for first year English majors at Vietnam Maritime University</i> )	Lại Thu Hương Phạm Thị Mai Hoàng Minh Thảo	NNA63ĐH NNA63ĐH NNA63ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Phạm Thu Hiền	Việc thiếu hụt môi trường luyện nói trong giáo dục phổ thông dẫn đến khả năng phát âm của sinh viên thường khá yếu. Nghiên cứu được thực hiện để đo lường tính hiệu quả của hoạt động lồng tiếng cho đoạn phim ngắn nhằm cải thiện khả năng phát âm của sinh viên năm 1 ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn cuối học kỳ.	
121	SV23-24.121	The use of body language in public speaking by third year English-major students at Vietnam Maritime University ( <i>Sử dụng ngôn ngữ cơ thể khi thuyết trình trước đám đông của sinh viên năm thứ 3 ngành Ngôn ngữ Anh Trường Đại học Hàng hải Việt Nam</i> )	Đoàn Thị Thùy Trang Lê Thị Thảo Lê Trang Linh	NNA62ĐH NNA62ĐH NNA62ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Vũ Thị Thúy	Đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Khoa Ngoại ngữ, kỹ năng thuyết trình trước đám đông là một kỹ năng quan trọng giúp sinh viên tự tin giao tiếp trong môi trường làm việc tương lai. Ngôn ngữ cơ thể là một trong những nhân tố quan trọng mang lại hiệu quả thuyết phục khi thuyết trình trước đám đông. Nhóm nghiên cứu khảo sát thu thập ý kiến sinh viên lớp NNA62ĐH về tầm quan trọng của việc sử dụng ngôn ngữ hình thể trong thuyết trình trước công chúng, quan sát các buổi thuyết trình của sinh viên tại các buổi học để phân tích các loại ngôn ngữ hình thể và tần suất sử dụng từng loại khi thuyết trình trước đám đông, từ đó đề xuất các gợi ý sử dụng ngôn ngữ hình thể đúng cách để có bài thuyết trình thành công.	
122	SV23-24.122	So sánh, đối chiếu hành động nói cảm ơn và hồi đáp cảm ơn giữa tiếng Anh và tiếng Việt ( <i>Comparing and contrasting speech acts thanking and responding correspondingly between English and Vietnamese</i> )	Bùi Nhật Linh Nguyễn Ngọc Anh Phạm Anh Quân	NNA62ĐH NNA62ĐH NNA62ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Trần Ngọc Diệp	Trong các nghi thức giao tiếp thì cảm ơn và hồi đáp cảm ơn là một nghi thức giao tiếp thể hiện phép lịch sự. Tuy nhiên, mỗi ngôn ngữ, mỗi nền văn hóa lại có những cách thức thể hiện khác nhau. Trong phạm vi nội dung nghiên cứu, nhóm nghiên cứu tập trung vào sự tương đồng và khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt qua phương pháp so sánh, đối chiếu các hành động nói cảm ơn và hồi đáp cảm ơn trực tiếp và gián tiếp. Kết quả nghiên cứu giúp cho người dạy và người học tiếng Anh và tiếng Việt là nguồn tài liệu tham khảo cho các bạn sinh viên hiểu thêm về sự phong phú giữa hai ngôn ngữ và nghi thức giao tiếp lịch sự trong giao tiếp ứng xử.	
123	SV23-24.123	Nghiên cứu các lỗi sử dụng giới từ cơ bản trong tiếng Anh và nguyên nhân mắc lỗi của sinh viên Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ( <i>Analysing basic errors in preposition use by Vietnam Maritime University's English majors and causes of errors</i> )	Nguyễn Thị Thu Nga Phùng Thị Phong Lan Nguyễn Thị Hương Giang Đặng Việt Anh	ATM61ĐH ATM62ĐH ATM61ĐH ATM61ĐH	Khoa Ngoại ngữ	ThS. Trần Ngọc Diệp ThS. Đỗ Thị Phương Lan	Nghiên cứu này được thực hiện để tìm ra các lỗi sinh viên Ngôn ngữ Anh mắc phải khi sử dụng các giới từ cơ bản (giới từ thời gian, địa điểm, phương hướng) và nguyên nhân sinh viên mắc các lỗi cơ bản đó. Nhóm nghiên cứu thu thập các lỗi của sinh viên trong các bài tập ngữ pháp và viết luận được giảng viên ghi chú khi các thầy cô chấm bài cho sinh viên Ngôn ngữ Anh. Sau đó nhóm nghiên cứu phỏng vấn các trường hợp sinh viên mắc nhiều lỗi nhất để tìm hiểu nguyên nhân sinh viên mắc lỗi.	
124	SV23-24.124	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu composite hydrotalcite (Mg/Cu/Al) trên nền chitosan tận dụng từ vỏ tôm phế thải, ứng dụng làm vật liệu xúc tác xử lý môi trường	Lê Như Quỳnh Vũ Văn Long Trần Văn Chiến Lê Văn Hiếu Nguyễn Thị Thuý Hoà	KHD62ĐH KHD62ĐH KHD63ĐH KHD63ĐH	Viện Môi trường	TS. Nguyễn Thị Như	Đề tài nghiên cứu tổng hợp vật liệu composite hydrotalcite (Mg/Cu/Al) trên nền chitosan tận dụng từ vỏ tôm phế thải, sau đó nghiên cứu hoạt tính của vật liệu khi ứng dụng làm xúc tác xử lý môi trường theo hướng xử lý chất ô nhiễm hoặc ion gây ô nhiễm trong môi trường như phẩm màu, ion NO <sub>3</sub> - trong nước.	
125	SV23-24.125	Nghiên cứu đề xuất quy trình xử lý rác thải nhà bếp bằng phương pháp ủ phân hữu cơ quy mô hộ gia đình và kiểm chứng hiệu quả với một số loại cây trồng	Phạm Thị Thùy Trang Hoàng Thị Thu Hà Vũ Thị Thanh Thảo Nguyễn Thị Vân Anh	KMT62ĐH KMT62ĐH KMT62ĐH KMT63ĐH	Viện Môi trường	ThS. Nguyễn Thị Thu	Đánh giá hiện trạng phát sinh và xử lý rác thải hữu cơ tại các hộ gia đình trên địa bàn Hải Phòng; đề xuất quy trình khép kín từ bước phân loại đến bước tái chế rác hữu cơ trong nhà bếp thành phân hữu cơ; kiểm chứng hiệu quả của phân hữu cơ đã ủ trên một số giống cây trồng ngắn ngày.	
126	SV23-24.126	Phân tích hệ thống quy định về kiểm kê khí nhà kính áp dụng tại Việt Nam	Nguyễn Chí Tuấn Trịnh Thị Thu Trang Nguyễn Tiến Minh Phí Hùng Cường	KMT63ĐH KMT63ĐH KMT63ĐH KMT63ĐH	Viện Môi trường	ThS. Nguyễn Thị Nương ThS. Nguyễn Thị Thu	Tìm hiểu thực trạng và xu hướng phát thải khí nhà kính tại Việt Nam. Phân tích được các quy định liên quan đến kiểm kê phát thải khí nhà kính.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
127	SV23-24.127	Nghiên cứu hiện trạng chất lượng nước mặt tại một số lưu vực sông trên địa bàn thành phố Hải Phòng	<b>Nguyễn Tuệ Tâm</b> Nguyễn Thị Hải Ly Nguyễn Thị Thảo	KMT63ĐH KMT63ĐH KMT63ĐH	Viện Môi trường	ThS. Nguyễn Thị Thu	Khảo sát một số sông trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Lấy mẫu và phân tích các thông số: TSS, COD, NH4+, PO43-, Fe. So sánh kết quả phân tích và đánh giá sự phù hợp của nguồn nước đối với hoạt động sinh hoạt.	
128	SV23-24.128	Nghiên cứu tổng hợp than sinh học có nguồn gốc thiên nhiên để loại bỏ một số chất ô nhiễm trong nước thải	<b>Đoàn Minh Anh</b> Vũ Mai Anh Bùi Thị Lam Phạm Thị Trang	KMT61ĐH KMT61ĐH KMT61ĐH KMT61ĐH	Viện Môi trường	ThS. Đinh Thị Thủy Hằng	Nghiên cứu tổng hợp than sinh học có nguồn gốc thiên nhiên, xác định các đặc trưng cơ bản của vật liệu và ứng dụng để loại bỏ một số chất ô nhiễm trong nước thải nông nghiệp.	
129	SV23-24.129	Nghiên cứu tổng hợp chất hấp phụ trên cơ sở chitosan từ vỏ tôm để loại bỏ một số chất ô nhiễm trong nước đầm nuôi tôm thâm canh khu vực ven biển Hải Phòng	<b>Hoàng Thị Xuân Quỳnh</b> Vũ Thị Ngân Phạm Đức Hiếu Nguyễn Văn Hưng	KMT62ĐH KMT62ĐH KMT62ĐH KMT62ĐH	Viện Môi trường	ThS. Đinh Thị Thủy Hằng	Nghiên cứu chiết xuất chitin từ chất thải hải sản, sau đó chuyển hoá thành chitosan và tổng hợp một số dạng vật liệu hấp phụ trên cơ sở chitosan để loại bỏ một số chất ô nhiễm trong nước đầm nuôi tôm thâm canh khu vực ven biển Hải Phòng.	
130	SV23-24.130	Nghiên cứu chế tạo khẩu trang kháng khuẩn từ graphene và nano kẽm	<b>Đỗ Thị Phương Thảo</b> Nguyễn Hữu Đạt Nguyễn Phạm Linh Nhi Nguyễn Hà Trang Trịnh Thị Thủy Trang	KHD63ĐH KHD63ĐH KHD63ĐH KHD63ĐH KHD63ĐH	Viện Môi trường	TS. Võ Hoàng Tùng	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano kẽm; Nghiên cứu chế tạo tấm lọc kháng khuẩn tấm graphene và nano kẽm; Nghiên cứu chế tạo khẩu trang kháng khuẩn; Đánh giá hoạt tính kháng khuẩn và bụi mịn của khẩu trang.	
131	SV23-24.131	Nghiên cứu chế tạo sơn bảo vệ ăn mòn cho các công trình ven biển từ phụ gia ức chế ăn mòn có nguồn gốc thiên nhiên	<b>Nguyễn Thị Thu Huyền</b> Đông Thị Ngọc Linh Nguyễn Phương Anh Đậu Phương Mai Nguyễn Văn Đức	KHD62ĐH KHD61ĐH KHD62ĐH KHD62ĐH KHD63ĐH	Viện Môi trường	<b>TS. Võ Hoàng Tùng</b> TS. Lê Đức Dương <i>Viện Hóa học - Vật liệu,</i> <i>Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự</i>	Nghiên cứu chiết xuất polyphenol từ một số loại thực vật; Nghiên cứu đánh giá tính ức chế ăn mòn cốt thép CT03 của dịch chiết thu được; Nghiên cứu chế tạo sơn chống ăn mòn cho cốt thép ở các công trình biển.	
132	SV23-24.132	Evaluate the application of green port model at HICT terminal ( <i>Đánh giá việc ứng dụng mô hình cảng xanh tại bến cảng HICT</i> )	<b>Đặng Hoàng Vũ</b> Nguyễn Quốc Bảo Nguyễn Quốc Trọng	GMA62ĐH GMA62ĐH GMA62ĐH	Viện Đào tạo Quốc tế	TS. Phạm Thị Quỳnh Mai	Tìm hiểu những lợi ích mà việc phát triển và hiện đại hóa cảng theo mô hình cảng xanh mang lại cho kinh tế và môi trường, từ đó đánh giá mức độ phát triển cảng xanh tại trường hợp bến cảng nước sâu HICT, Hải Phòng. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng. Dữ liệu sẽ được thu thập thông qua sử dụng 2 công cụ: Bảng thống kê và câu hỏi khảo sát, phỏng vấn chuyên gia làm việc tại cảng và khảo sát thực tế và nghiên cứu kỹ hơn.	
133	SV23-24.133	Evaluating the economic efficiency of Port of Hai Phong Joint Stock Company ( <i>Đánh giá hiệu quả kinh tế của công ty cổ phần cảng Hải Phòng</i> )	<b>Đoàn Quỳnh Chi</b> Nguyễn Thành Dũng Phạm Đức Chính	GMA62ĐH GMA62ĐH GMA62ĐH	Viện Đào tạo Quốc tế	TS. Phạm Thị Quỳnh Mai	Nghiên cứu nhằm đưa ra cái nhìn tổng quan về sự phát triển của cảng biển Hải Phòng cũng như sự phát triển của thành phố Hải Phòng trong những năm vừa qua. Tiếp đến, nghiên cứu đánh giá sự ảnh hưởng của cảng Hải Phòng lên sự phát triển của thành phố. Và từ đó đưa ra một số kiến nghị về việc phát triển cảng Hải Phòng gắn liền với sự phát triển kinh tế của thành phố.	
134	SV23-24.134	Structural analysis of factors affecting implementation of Green supply chain in Vietnam using Analytical Hierarchy Process (AHP) and Fuzzy Structural Modeling (FSM) methods. ( <i>Phân tích mối quan hệ của các nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai chuỗi cung ứng xanh tại Việt Nam sử dụng phương pháp Analytical Hierarchy Process (AHP) và Fuzzy Structural Modeling (FSM)</i> )	<b>Hoàng Thị Thu Hào</b> Nguyễn Thị Vân Anh Nguyễn Như Ngọc Phạm Thị Tinh	IBL62ĐH IBL62ĐH KTN61ĐH IBL62ĐH	Viện Đào tạo Quốc tế	ThS. Đỗ Thị Minh Hoàng	Đề tài này nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng cũng như tầm quan trọng của chúng đến việc triển khai chuỗi cung ứng xanh tại Việt Nam; đồng thời phân tích các mối quan hệ giữa các yếu tố, từ đó tìm ra yếu tố mang tính quyết định và có tác động lớn nhất. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp AHP để đánh giá tầm quan trọng của các nhân tố, sau đó dùng phương pháp FSM để xác định sự phụ thuộc và tương tác lẫn nhau của các nhân tố này. Kết quả từ nghiên cứu này sẽ mang lại ý nghĩa quan trọng đến việc đưa ra các chính sách quy định và hỗ trợ từ chính phủ, cũng như trợ giúp các doanh nghiệp trong quyết định đầu tư và chuẩn bị cho việc tham gia vào chuỗi cung ứng xanh.	



TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
135	SV23-24.135	Nghiên cứu biện pháp nâng cao sự an toàn trong hoạt động tàu container	<b>Nguyễn Thị Hồng Diệp</b> Mai Thị Thu Hoàng Thị Huyền Trang	GMA11 GMA11 GMA11	Viện Đào tạo Quốc tế	TS. Lê Sơn Tùng	Trong bài nghiên cứu này chúng tôi sẽ đưa ra thực trạng an toàn hàng hải trên tàu container trên vùng biển Việt Nam, phân tích nguyên nhân các tai nạn, sự cố hàng hải, làm cơ sở để đề xuất các giải pháp triển khai nâng cao an toàn hàng hải cũng như giải pháp khoa học trong xây dựng tuyến luồng hàng hải an toàn, hiệu quả.	
136	SV23-24.136	Các yếu tố ảnh hưởng của short viral video mang yếu tố quảng cáo đến quyết định mua hàng thời trang của Gen Z trên nền tảng mạng xã hội Tiktok	<b>Nguyễn Thị Vân</b> Nguyễn Yến Nhi Hoàng Thị My Vũ Phương Linh	BMM62ĐH BMM62ĐH BMM62ĐH BMM62ĐH	Viện Đào tạo Quốc tế	ThS. Phan Thị Minh Châu	Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng của short viral video trên nền tảng mạng xã hội Tiktok đến quyết định mua hàng thời trang của người tiêu dùng đặc biệt là Gen Z. Để từ đó các nhà kinh doanh nắm bắt được tâm lý của khách hàng để quyết định khi mua sản phẩm của họ thông qua các viral video.	
137	SV23-24.137	Research on a proposal to upgrade the SmartGate system: Integrating an smart camera system and damage detection software for the Container inspection process at Tan Vu Terminal in Hai Phong <i>(Nghiên cứu đề xuất nâng cấp hệ thống SmartGate: Tích hợp hệ thống camera thông minh và phần mềm phát hiện hư hỏng phục vụ quá trình kiểm định container tại Cảng Tân Vũ Hải Phòng)</i>	<b>Tạ Thái Hưng</b> Lưu Minh Thu Đinh Thị Kim Thương Phạm Phương Uyên Vũ Thị Mùi	IBL61ĐH IBL62ĐH IBL62ĐH IBL62ĐH CNT62CL	Viện Đào tạo Quốc tế	TS. Nguyễn Minh Đức	Dựa trên các đánh giá về các hệ thống kiểm tra chất lượng và phát hiện lỗi hư hỏng của Container trên toàn thế giới; mô hình hệ thống kiểm tra chất lượng và phát hiện lỗi hư hỏng của Container mini mô phỏng hệ thống đề tài đề xuất, không chỉ ban quản lý hệ thống Smart Gate mà các ban quản lý của các Cảng khác sẽ có thêm sự lựa chọn cho phương hướng nâng cấp phát triển. Từ đó, gia tăng lượng hàng hóa được thông quan qua Cảng Tân Vũ và lợi nhuận của các doanh nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ và đảm bảo chất lượng hàng hóa khi thông quan qua Cảng Tân Vũ. Đồng thời, đề tài đóng góp một phần nhỏ vào công cuộc chuyển đổi số của đất nước.	
138	SV23-24.138	Phát triển kinh tế Hải Phòng dựa trên ba trụ cột chính trong xu hướng phục hồi nền kinh tế thế giới	<b>Nguyễn Minh Ngọc</b> Lê Việt Công Tạ Thị Hoàng Ngân Phạm Tuấn Đạt	KTN63CL KTN63CL KTN63CL KTN63CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	TS. Bùi Thị Thanh Nga	Nghiên cứu thực trạng nền kinh tế thành phố Hải Phòng và đưa ra các giải pháp để khắc phục những hạn chế trong kinh tế - xã hội khi bám sát vào 3 trụ cột chính gồm: Công nghiệp - công nghệ; Cảng biển - logistics; Du lịch - thương mại.	
139	SV23-24.139	Phân tích các tiêu chí của Logistics Performance Index (LPI) nhằm đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Logistics tại Hải Phòng trong giai đoạn 2024-2025	<b>Đoàn Trần Bảo Hà</b> Nguyễn Hà Chi Nguyễn Thụy Minh Ngọc	KTN62CL KTN62CL KTN62CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	ThS. Bùi Thanh Hải	Nghiên cứu, đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động từ đó đề xuất biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Logistics tại Hải Phòng trong giai đoạn 2024-2025 thông qua các tiêu chí của LPI.	
140	SV23-24.140	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động mua sắm trực tuyến của sinh viên Viện Đào tạo Chất lượng cao, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	<b>Vũ Ngọc Hương Trà</b> Mạc Thị Phương Nga Nguyễn Thị Phương Thảo Đào Thị Ngọc	KTN62CL KTN62CL KTN63CL KTN62CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	TS. Phạm Thị Thu Hằng	Áp dụng mô hình nhân tố khám phá và mô hình hồi quy để nghiên cứu mối quan hệ ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt động mua sắm trực tuyến của sinh viên từ đó đề xuất những giải pháp mua hàng trực tuyến hiệu quả, thông minh cho sinh viên với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS.	
141	SV23-24.141	Nghiên cứu tác động của tỷ giá hối đoái đến kim ngạch xuất khẩu của ngành rau quả Việt Nam	<b>Nguyễn Thùy Huy Đoàn</b> Nguyễn Hải Sơn Đinh Thị Minh Nguyệt	KTN63CL KTN63CL KTN63CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	ThS. Trương Thị Như Hà	Nghiên cứu tác động của tỷ giá hối đoái để đưa ra giải pháp tái cơ cấu ngành rau củ, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và tăng cường năng lực cạnh tranh của thị trường rau củ Việt Nam.	
142	SV23-24.142	Nghiên cứu tiềm năng xuất khẩu mặt hàng nông sản sâu riêng vào thị trường Trung Đông	<b>Hoàng Mạnh Dũng</b> Trần Thị Thủy An Đặng Thị Huyền Trang	KTN63CL KTN63CL KTN63CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	TS. Bùi Thị Thanh Nga	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy xuất khẩu sâu riêng sang thị trường Trung Đông.	
143	SV23-24.143	Tác động của hiệp định RCEP đến hoạt động xuất nhập khẩu mặt hàng nông sản Việt Nam	<b>Vũ Phương Thảo</b> Cao Thị Huyền Trang Lương Thị Ngọc Minh	KTN63CL KTN63CL KTN63CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	ThS. Nguyễn Văn Hùng	Nghiên cứu những quy định và tác động của hiệp định RCEP đối với hoạt động xuất khẩu nông sản Việt Nam và sự thay đổi trước và sau khi thực thi hiệp định RCEP.	





TT	Mã đề tài	Tên đề tài	Sinh viên/ Nhóm Sinh viên	Lớp	Khoa/Viện	Giảng viên hướng dẫn	Nội dung nghiên cứu	Ghi chú
144	SV23-24.144	Ứng dụng Mô hình kim cương vào đánh giá tiềm năng phát triển ngành du lịch Hải Phòng trong bối cảnh hội nhập quốc tế	<b>Lê Thu Hà</b> Bùi Quỳnh Anh Trần Phương Hà	KTN61CL KTN61CL KTN61CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	ThS. Lê Thị Quỳnh Hương	Nghiên cứu này đi nghiên cứu dụng mô hình kim cương của Michael E. Porter để đánh giá lợi thế cạnh tranh và tiềm năng phát triển của Thành phố Hải Phòng từ năm 2015 đến năm 2023, đồng thời đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch của Thành phố Hải Phòng trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	
145	SV23-24.145	Đánh giá vai trò của cảng biển trong việc xuất, nhập khẩu hàng hóa tại khu vực cụm cảng Hải Phòng	<b>Lương Thanh Hậu</b>	KTB62CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	TS. Nguyễn Thị Liên	Đánh giá vai trò của cảng biển trong việc xuất, nhập khẩu hàng hóa bằng đường biển và đề xuất các biện pháp phát triển cảng biển cho khu vực Hải Phòng cho giai đoạn 2025-2030.	
146	SV23-24.146	Sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam kế thừa và phát huy Tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại mới	<b>Trần Thị Kim Ngân</b>	KTB62CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	TS. Phan Duy Hòa	Nghiên cứu và đưa ra những định hướng để sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam sớm hình thành mục tiêu rèn luyện về tư duy trí tuệ - tu duy đạo đức, góp phần xây dựng đất nước.	
147	SV23-24.147	Hệ thống IoT giám sát gian hàng trong siêu thị áp dụng kỹ thuật học sâu	<b>Bùi Tùng Dương</b> Phạm Quang Phúc	CNT61CL CNT61CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	TS. Nguyễn Hữu Tuấn	Nghiên cứu, phát triển mô hình nhận diện loại hàng hóa, vị trí gian hàng bị trống, từ đó xây dựng website quản lý, giám sát gian hàng và phát triển bot tự động quét gian hàng.	
148	SV23-24.148	Nghiên cứu mạng học sâu hỗ trợ phát hiện người gặp nạn trong công tác cứu hộ trên biển	<b>Nguyễn Công Lâm</b> Đỗ Tiến Đạt Đỗ Đức Mạnh	CNT61CL CNT62CL CNT61CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	TS. Lê Quyết Tiến	Nghiên cứu các kỹ thuật thị giác máy tính sử dụng phương pháp học sâu để tạo ra mô hình trí tuệ nhân tạo có khả năng tự động phát hiện người gặp nạn trên biển khắc phục được các nhược điểm của việc quan sát bằng mắt (khoảng cách, điều kiện ánh sáng, thời tiết) với độ chính xác cao hơn.	
149	SV23-24.149	Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet kết nối vạn vật (IoT) để phát triển hệ thống kiểm soát ra vào cho khu đô thị thông minh	<b>Vũ Thị Mùi</b> Nguyễn Phương Đông Đỗ Minh Hùng Ngô Thu Thùy	CNT62CL CNT60CL CNT61ĐH KTN62CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	ThS. Phạm Ngọc Duy	Nghiên cứu, xây dựng và phát triển hệ thống kiểm soát vào ra, ứng dụng và xu hướng phát triển của các hệ thống kiểm soát vào ra thông minh.	
150	SV23-24.150	Thiết kế hệ thống pin năng lượng mặt trời tự động điều hướng	<b>Đặng Minh Hiếu</b> Vũ Khắc Tiệp Tăng Huy Hoàng Phạm Phú Khang	ĐTĐ62CL ĐTĐ62CL ĐTĐ62CL ĐTĐ62CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	TS. Đặng Hồng Hải	Sử dụng các cảm biến ánh sáng, nhiệt độ để nhận biết điều kiện môi trường bên cạnh kết hợp với các điều kiện trong bộ điều khiển để đưa ra thông tin chính xác điều khiển hệ thống trục quay.	
151	SV23-24.151	Nghiên cứu thiết kế hệ thống giám sát môi trường nước trong bể nuôi cá cảnh	<b>Nguyễn Thị Quỳnh</b> Lê Tuấn Nghĩa Trần Trung Kiên Nguyễn Đình Anh Tuấn	ĐTĐ62CL ĐTĐ62CL ĐTĐ62CL ĐTĐ62CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	TS. Đặng Hồng Hải	Dùng các thiết bị cảm biến để đo oxy trong nước, nhiệt độ trong nước, độ pH trong nước sau đó chiếu kết quả đo được qua màn hình led bên ngoài bể cá, thông qua blynk cảnh báo về điện thoại của mình: oxy, nhiệt độ, độ pH vượt quá mức cho phép hoặc khi gặp sự cố.	
152	SV23-24.152	Nghiên cứu xây dựng mô hình bảng led ma trận cho biển quảng cáo ứng dụng IoT	<b>Vũ Văn Dũng</b> Đỗ Đức Thịnh Lưu Thành Đạt Trần Thế Anh	ĐTĐ62CL ĐTĐ62CL ĐTĐ62CL ĐTĐ62CL	Viện Đào tạo Chất lượng cao	ThS. Đỗ Thị Chang	Nghiên cứu phương pháp hiển thị kí tự lên ma trận Led; Xây dựng mô hình bảng led ma trận cho biển quảng cáo; Xây dựng thuật toán và chương trình điều khiển cho bảng led ma trận.	

(Danh sách có 152 đề tài...)